

THAM LUẬN

Văn hóa trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: Thời cơ – Thách thức – Một số việc cần làm ngay

Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam

Văn hóa là linh hồn, cốt lõi định hình bản sắc dân tộc, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, nền tảng cho sự phát triển trường tồn của dân tộc. Trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên hội nhập và phát triển mạnh mẽ, văn hóa Việt Nam đứng trước nhiều thời cơ cũng như thách thức quan trọng, đòi hỏi những giải pháp, hành động cấp thiết để thúc đẩy sự phát triển và vươn mình trên trường quốc tế, bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên “vươn mình” của dân tộc Việt Nam.

1. Những thuận lợi, thời cơ

1.1. Những thuận lợi, thời cơ chung

Hội nhập quốc tế sâu rộng: Các hiệp định thương mại tự do (FTA) và giao lưu văn hóa toàn cầu tạo điều kiện để văn hóa Việt Nam được quảng bá và ghi dấu trên trường quốc tế. Các giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc có thể trở thành công cụ mềm, là tấm hộ chiếu vô song để nâng cao vị thế quốc gia.

Vị thế quốc tế ngày càng cao: Việt Nam đã chủ động hội nhập sâu hơn vào quá trình toàn cầu hóa, mở rộng quan hệ đa phương và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia. Việt Nam đã khẳng định vai trò quan trọng trong ASEAN và có quan hệ đối tác chiến lược với nhiều quốc gia lớn trên thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, WTO và nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nước phát triển, tạo nền tảng cho sự giao thương và hội nhập mạnh mẽ hơn.

Đổi mới công nghệ và công nghiệp: Việt Nam đang chuyển mình từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự tập trung vào công nghệ cao, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo. Chính phủ cũng đưa ra nhiều chính sách để phát triển hạ tầng kỹ thuật số và đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ.

Dân số trẻ và lực lượng lao động dồi dào: Với lợi thế dân số trẻ, năng động, có tinh thần khởi nghiệp và không ngừng học hỏi, Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn cho các công ty đa quốc gia. Lực lượng lao động ở Việt Nam có trình độ và kỹ năng cao giúp thúc đẩy sản xuất và phát triển các ngành dịch vụ như công nghệ thông tin, logistics, và du lịch.

Sự ổn định chính trị và cải cách pháp lý: Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực duy trì ổn định chính trị và thực hiện các cải cách pháp lý để cải thiện môi trường kinh doanh. Điều này tạo ra niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, giúp Việt Nam trở thành điểm đến an toàn và hấp dẫn.

Đầu tư mạnh vào giáo dục và văn hóa: Đầu tư vào giáo dục và bảo tồn văn hóa dân tộc đã giúp tạo ra một nền tảng vững chắc để phát triển bền vững và bảo tồn bản sắc dân tộc, đồng thời góp phần nâng cao hiểu biết và ý thức cộng đồng.

1.2. Những thuận lợi, thời cơ cụ thể

Sự hội nhập và giao thoa văn hóa toàn cầu: Với quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam có cơ hội giao lưu và học hỏi từ nhiều nền văn hóa trên thế giới. Điều này tạo điều kiện cho sự đa dạng hóa văn hóa, đồng thời giúp văn hóa Việt Nam tiếp cận với nhiều xu hướng, phong cách, và công nghệ mới, làm phong phú thêm bản sắc dân tộc.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ: Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển của Internet và công nghệ số mở ra cơ hội lớn để quảng bá và bảo tồn văn hóa. Thông qua các nền tảng kỹ thuật số, Việt Nam có thể dễ dàng đưa văn hóa của mình đến với bạn bè quốc tế, đồng thời giúp các thế hệ trẻ Việt Nam tiếp cận với văn hóa truyền thống một cách thuận tiện và sinh động.

Chính sách văn hóa của Nhà nước được tiếp tục hoàn thiện: Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nói chung và văn hóa nói riêng. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật được đầu tư phát triển; các giá trị văn hóa truyền thống được quan tâm giữ gìn. Nhà nước Việt Nam ngày càng chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và khuyến khích phát triển văn hóa sáng tạo. Môi trường văn hóa được cải thiện, thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư gắn với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị thông minh. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo bền vững. Lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển được quan tâm. Các chính sách này không chỉ giúp bảo vệ các di sản văn hóa mà còn thúc đẩy nền văn hóa sáng tạo, đưa văn hóa Việt Nam trở thành một phần quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia.

Môi trường văn hoá, đạo đức, lối sống văn minh, hiện đại tiếp tục được cải thiện và tạo ra những tác động thiết thực: Việc xây dựng môi trường văn hoá đã được chú trọng, nhiều giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa. Nhiều di sản văn hoá được bảo tồn, phát huy. Đời sống văn hoá của nhân dân không ngừng được cải thiện. Hoạt động xã hội hóa văn hóa ngày càng được mở rộng, hệ thống thiết chế văn hoá được đầu tư và từng bước chuyển đổi cơ chế, đổi mới về phương thức hoạt động. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá từng bước được nâng cao, lối sống văn minh, hiện đại được đẩy mạnh và tạo ra những tác động thiết thực.

Sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với văn hóa Việt Nam: Việt Nam đã và đang thu hút sự chú ý từ cộng đồng quốc tế qua các sự kiện như nhiều di sản văn hóa được UNESCO công nhận, có các lễ hội truyền thống và sản phẩm văn hóa độc đáo. Điều này giúp nâng cao vị thế văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế và thúc đẩy du lịch văn hóa phát triển.

Nhận thức về tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc trong cộng đồng ngày càng cao: nhận thức về giá trị văn hóa dân tộc ngày càng được tăng cường trong các tầng lớp nhân dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, người Việt Nam - đặc biệt là thế hệ trẻ - đang dần nhận ra tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc để không bị hòa tan trong dòng chảy văn hoá toàn cầu. Nhiều cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đã tham gia vào các hoạt động bảo tồn, phục dựng các giá trị truyền thống và phát triển các sản phẩm văn hóa sáng tạo mang đậm bản sắc Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế và sức mua của người dân: Nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh chóng tạo điều kiện cho việc đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Sức mua và sự quan tâm của người dân đối với các sản phẩm văn hóa cũng gia tăng, giúp ngành văn hóa, giải trí và sáng tạo Việt Nam có thêm động lực để phát triển.

Lực lượng trẻ và năng động: Việt Nam có một lực lượng nhân lực trẻ đông đảo, sáng tạo và cởi mở, luôn sẵn sàng khám phá, đổi mới và lan toả văn hóa Việt Nam đến với thế giới. Lực lượng này đang góp phần làm cho văn hóa Việt Nam trở nên phong phú, đa dạng và hội nhập mạnh mẽ hơn trên trường quốc tế.

Phát triển kinh tế sáng tạo: Các ngành công nghiệp văn hoá đang trở thành một ngành kinh tế quan trọng, mở ra cơ hội thúc đẩy phát triển văn hóa qua các sản phẩm văn hóa đa dạng như phim ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử và thời trang...

2. Những thách thức của văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Trong giai đoạn này, việc phát triển văn hóa Việt Nam gặp phải những vấn đề mang tính thách thức sau.

2.1. Thách thức trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về văn hóa

Trong bất kỳ lĩnh vực nào của xã hội thì thể chế, cơ chế, và chính sách cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của lĩnh vực đó. Nhiều vấn đề trong thể chế, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực văn hóa cần được tiếp tục hoàn thiện như: chính sách và pháp luật về thuế trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm nghệ thuật và thị trường, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Hành lang pháp lý để thúc đẩy sự tham gia của những đối tác và nguồn lực vào phát triển văn hóa cũng cần được hoàn chỉnh, như vấn đề hợp tác công tư trong văn hóa chưa được đề cập đến trong Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Việc thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa qua việc ban hành những thể chế và chính sách mới phù hợp hơn cũng là một vấn đề mang tính thách thức đặt ra trong giai đoạn kỷ nguyên mới này.

2.2. Thách thức trong việc chuyển đổi mô hình từ quản lý tập trung sang mô hình phân cấp quản lý văn hóa

Mô hình quản lý của chính phủ cần chuyển từ quản lý trực tiếp sang gián tiếp, quản lý vi mô sang vĩ mô, từ quan niệm làm văn hóa sang quản lý văn hóa. Việc thể chế hóa quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số

33-NQ/TW và các Nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn nghệ có lúc, có nơi còn chậm, chưa đồng bộ. Chưa có chính sách đột phá trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ văn nghệ sĩ tài năng; chưa thu hút được người có năng lực vào các cơ quan tham mưu, cơ quan hoạch định chính sách cho văn hóa nghệ thuật. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật chưa đúng tầm, đúng mức. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật ở một số lĩnh vực còn khó khăn, hạn chế.

2.3. Thách thức về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực văn hóa

Tính dàn trải theo khu vực hành chính của nhiều thiết chế văn hóa từ trung ương cho đến xã, thôn về một mặt tạo điều kiện cho sự thụ hưởng của người dân, nhưng mặt khác lại làm phân tán nguồn lực khiến cho hiệu quả hoạt động của mỗi thiết chế văn hóa chưa cao do chưa được đầu tư đúng mức và đầy đủ. Trong bối cảnh kinh tế chưa thật sự phát triển mạnh, thì nguồn lực cho văn hóa vẫn còn bị hạn chế và đây là một thách thức chưa dễ vượt qua trong kỷ nguyên mới này.

2.4. Thách thức về việc xây dựng con người Việt Nam với hệ giá trị văn hóa mới là giàu có, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm và tự cường

Xây dựng hệ giá trị văn hóa là vấn đề phức tạp và đòi hỏi một quá trình lâu dài bởi vì hệ giá trị là phần nền tảng tinh thần có gốc rễ sâu xa của mỗi con người, mỗi cá nhân và ít biến đổi hay chậm biến đổi theo bối cảnh kinh tế, xã hội nhưng lại có khả năng tác động đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Nhiều hệ giá trị văn hóa cũ vẫn tồn tại ở một bộ phận người dân mặc dù không còn phù hợp với xã hội và nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay. Xung đột giá trị thường xuyên diễn ra do nhiều giá trị tốt đẹp cần hướng tới chưa thực sự được khẳng định trong thực tiễn, trong bối cảnh chuyển đổi ngày càng phức tạp.

2.5. Thách thức về giáo dục, đào tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật

Giáo dục và đào tạo trong lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật có những đặc thù riêng do đây là những lĩnh vực mà xã hội và thị trường ít có nhu cầu tuyển dụng. Mặc dù vậy, cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý đối với đào tạo lĩnh vực này còn có những bất cập ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo. Công tác quản lý về đào tạo còn bất cập. Đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác tuyển sinh đầu vào gặp nhiều khó khăn; Công tác khảo thí, kiểm định chất lượng của các cơ sở đào tạo còn hạn chế. Việc hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, giữa các cơ quan, đơn vị, giữa các bộ, ngành nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và đơn vị sử dụng nhân lực chưa thực sự chặt chẽ. Thực trạng hiện nay là số lượng sinh viên theo học các ngành văn hóa và nghệ thuật có chiều hướng sụt giảm, nhất là với những lĩnh vực nghệ thuật truyền thống. Trong giai đoạn sắp tới, dự báo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật có thể gặp nhiều thách thức trong việc đáp ứng sự lớn mạnh của các ngành công nghiệp văn hóa trong tương lai.

2.6. Thách thức về ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một xu thế lớn, tác động đến toàn bộ xã hội, trong đó có lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật. Xét riêng về công nghệ thì trong lĩnh vực văn hóa mới chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận những công nghệ trung bình của thế giới. Việc nghiên cứu và phát triển những công nghệ mới và hiện đại khó thực hiện được do đặc thù của ngành chưa phù hợp cho việc phát triển những công nghệ như vậy. Đồng thời, việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ cũng như nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới cũng gặp khó khăn do số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của ngành còn hạn chế. Nguồn tài chính hạn hẹp cho khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa là một trở ngại cho việc thực hiện những hoạt động công nghệ như vậy. Hoạt động nghiên cứu khoa học với những dự án, chương trình lớn với quy mô dài hạn cũng không thật sự đủ nguồn lực tài chính để thực hiện do chi ngân sách sự nghiệp cho khoa học và công nghệ giảm dần từ nhiều năm qua và chưa bao giờ đạt được mức 2% GDP như quy định của pháp luật. Đây là vấn đề khó giải quyết và sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp văn hóa trong tương lai.

2.7. Thách thức về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thành một ngành kinh tế mũi nhọn, tổng hợp của Việt Nam

Công nghiệp văn hoá từ năm 2016 đã ngày càng phát triển mạnh mẽ và có những đóng góp nhất định cho nền kinh tế. Tuy nhiên, thách thức trong việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa hiện nay chính là việc thiếu hụt nguồn nhân lực có năng lực kinh doanh, điều hành và quản trị những doanh nghiệp văn hóa. Quy mô vốn của những doanh nghiệp văn hóa còn nhỏ, khả năng cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài còn thấp.

3. Những giải pháp cấp thiết trong lĩnh vực văn hóa trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Trong kỷ nguyên mới, khi đất nước Việt Nam đang bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển mạnh mẽ, lĩnh vực văn hóa đóng vai trò rất quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững. Dưới đây là một số giải pháp cấp thiết, cần làm ngay trong lĩnh vực văn hóa nhằm giúp Việt Nam vươn mình trong thời kỳ mới

3.1. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, chính sách

Để văn hóa thực sự vươn mình, không chỉ cần sự phát triển tự thân của văn hóa mà còn cần một nền tảng thể chế vững vàng, những chính sách đột phá và sự chung tay từ mọi thành phần xã hội. Từ đó, văn hóa Việt Nam không chỉ duy trì giá trị cốt lõi mà còn được tiếp thêm sức sống mới, sẵn sàng đón nhận những đổi thay và khẳng định vị thế quốc gia trong cộng đồng toàn cầu.

Từ khi Đổi Mới đất nước đến nay, vấn đề thể chế, chính sách văn hóa đã được nhận biết và hoàn chỉnh, sửa chữa qua việc ban hành nhiều văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ VHTTDL. Tuy vậy, vấn đề thể chế trong văn hóa hiện vẫn là một trở ngại lớn với nhiều vấn đề cần khắc phục: trước hết là sự

chồng chéo và mâu thuẫn trong nhiều văn bản luật ở cả trung ương và địa phương của những bộ, ban, ngành khác về nguồn nhân lực, nguồn tài chính, đất đai, tài sản, nhà cửa, tổ chức... Do vậy, làm giảm hiệu lực và hiệu quả của những chính sách văn hóa mà ngành văn hóa ban hành hay trình Quốc hội và Chính phủ ban hành. Vấn đề thứ hai về thể chế văn hóa hiện nay là việc thực hiện những văn bản pháp luật về văn hóa chưa thật sự hiệu quả, một phần do tính chồng chéo đã nêu trên, một phần do nhận thức về vai trò của văn hóa trong xã hội chưa thật đúng và đủ, và một phần còn do năng lực của những cán bộ văn hóa chưa thật cao. Vấn đề thứ ba nằm ở việc nhiều văn bản pháp luật về văn hóa vẫn thiên về hướng quản lý nhiều hơn là thúc đẩy sự phát triển của văn hóa vốn đòi hỏi một tư duy về văn hóa thoáng và cởi mở hơn. Tức là thể chế văn hóa được ban hành cần hạn chế việc nhà nước can thiệp quá nhiều và quá sâu vào nhiều hoạt động văn hóa và cần chuyển từ tư duy quản lý, giám sát, kiểm tra của nhà nước sang tư duy nhà nước hỗ trợ và thúc đẩy văn hóa phát triển.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách phải bắt đầu từ tư duy mở, sẵn sàng đón nhận những ý tưởng đổi mới, khuyến khích sự sáng tạo và bảo vệ quyền lợi của người làm văn hóa. Để làm được điều này, các thể chế, chính sách văn hóa cần được xây dựng với tầm nhìn xa, không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn phải tiên đoán được xu hướng tương lai, giúp văn hóa có thể linh hoạt thích nghi với những thay đổi của thời đại, góp phần tạo động lực phát triển hơn là duy trì tính ổn định và chưa đồng bộ như hiện nay.

3.2. Đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật cần đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Từng bước cân đối cơ cấu nguồn lực cán bộ cho phù hợp. Có chính sách phát hiện, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, trọng dụng nhân tài. Đào tạo lực lượng lao động có các kỹ năng và chuyên môn phù hợp để thích ứng trong bối cảnh mới, có ước mơ và động lực, có năng lực sáng tạo, có khả năng thích ứng với môi trường chuyển đổi; Đầu tư vào giáo dục và đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực như bảo tồn di sản, nghệ thuật, truyền thông văn hóa... để tạo ra một thế hệ chuyên gia có năng lực đóng góp vào việc phát triển văn hóa quốc gia.

Đặc biệt, đào tạo nguồn nhân lực nghệ thuật truyền thống là một vấn đề cấp bách hiện nay bởi vì nghệ thuật truyền thống như chèo, tuồng, cải lương... đang ngày càng sụt giảm số lượng khán giả cả trên truyền hình và ngoài rạp. Doanh thu của những tổ chức biểu diễn nghệ thuật truyền thống không cao và thu nhập của nghệ sĩ cũng chưa đủ để đảm bảo cho cuộc sống của họ. Trong bối cảnh này việc tuyển sinh những ngành nghệ thuật truyền thống ở bậc trung cấp, cao đẳng, đại học vẫn tiếp tục gặp khó và có xu hướng sụt giảm số sinh viên. Do đó việc có những ưu đãi học bổng và miễn học phí cho sinh viên những ngành này là một việc làm cần thiết. Chính sách tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp những ngành này về những tổ chức nghệ thuật cũng cần thay đổi theo hướng thu nhập tăng thêm cần phải cao hơn so với những loại hình nghệ thuật hiện đại như kịch nói hay ca nhạc vốn có nhiều khán giả hơn.

3.3. Mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế và quảng bá mạnh mẽ văn hóa Việt Nam ra thế giới

Khi thế giới trở nên “phẳng” hơn trong thời đại công nghệ, việc hội nhập không chỉ giúp Việt Nam tiếp thu những tinh hoa văn hóa toàn cầu mà còn là cơ hội để chúng ta giới thiệu nét đặc sắc của mình với bạn bè quốc tế trong kỷ nguyên mới. Chủ động mở rộng, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Khuyến khích các cá nhân tổ chức tham gia tích cực vào các hoạt động hợp tác quốc tế với tư cách là thành viên của các mạng lưới quốc tế về văn hóa, nghệ thuật. Đổi mới hình thức triển khai công tác ngoại giao văn hoá trong và ngoài nước, tích cực ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đáp ứng mục tiêu: Thúc đẩy quan hệ, hội nhập văn hóa, quảng bá đất nước, qua đó đóng góp vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời chủ động bảo vệ các giá trị, nền tảng tư tưởng của Đảng, thành quả của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Văn hóa Việt Nam đã hội nhập với văn hóa thế giới từ hơn ba thập niên qua với mức độ ngày càng sâu rộng qua quá trình giao lưu và tiếp xúc với văn hóa thế giới. Trong quá trình này yếu tố chủ đạo vẫn là sự tiếp nhận văn hóa thế giới vào văn hóa Việt Nam. Đây là một điều đúng đắn và tích cực nhưng nhìn một cách lâu dài thì mặt là những giá trị văn hóa Việt Nam không được biết đến nhiều và sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam chưa được phát huy và phát triển trên thế giới. Để giải quyết vấn đề này việc quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới cần được thực hiện mạnh mẽ hơn giai đoạn trước qua mọi kênh phù hợp như hệ thống truyền thông bao gồm truyền hình, phát thanh và Internet cần được tiếp tục đẩy mạnh. Việc thúc đẩy giao lưu hợp tác quốc tế nhằm giới thiệu văn hóa Việt Nam vẫn cần tiếp tục được thực hiện, bên cạnh đó cần xây dựng thêm một số Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài bên cạnh hai trung tâm ở Lào và Pháp để việc quảng bá và giới thiệu văn hóa nhanh chóng và có hiệu quả hơn.

3.4. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa

Phát triển các ngành CNVH nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng văn hóa Việt Nam, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị của đất nước trong kỷ nguyên mới, khiến cho văn hoá trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đòi hỏi hệ thống các giải pháp về chính sách, truyền thông, đào tạo nguồn nhân lực, nguồn lực. Phát triển các ngành CNVH Việt Nam trên cơ sở hướng tiếp cận tổng thể và hệ thống, bao gồm nhiều vấn đề tương tác và có mối liên quan mật thiết đến nhau như: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với các kỹ năng toàn diện về kinh doanh, quản trị, năng lực sáng tạo; xây dựng cơ chế tài chính, cơ chế pháp lý, phát triển các chương trình giáo dục, đào tạo và các mạng lưới làm việc, phát triển công chúng... Các hoạt động này mang tính tổng thể, đòi hỏi sự hợp tác giữa những

bộ ngành khác nhau và liên quan đến tất cả các đối tác công và tư. Một cách tiếp cận chiến lược tổng thể là cần thiết, bao gồm sự cải tổ trong giáo dục, kỹ năng, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển thương hiệu và thị trường và sự tích hợp với các ngành có liên quan khác.

Công nghiệp văn hóa trong kỷ nguyên mới này cần phải có sự phát triển mạnh hơn giai đoạn trước. Muốn thực hiện được điều này cần phải cụ thể hóa những mục tiêu đã được nêu ra trong “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”. Nhưng bên cạnh đó, đòi hỏi phải có sự thay đổi hay cải cách những vấn đề về thể chế pháp luật liên quan đến việc phát triển công nghiệp văn hóa như những vấn đề tài chính, đầu tư cho văn hóa, lao động và nguồn nhân lực văn hóa, thuế sản phẩm và dịch vụ văn hóa, phát triển doanh nghiệp văn hóa... Điều này đòi hỏi sự thay đổi trong nhận thức truyền thống của xã hội cũng như của những bộ ngành khác và chính quyền địa phương về văn hóa. Công việc trước mắt cần thực hiện là sự phối hợp giữa Bộ VHTTDL và các Bộ, ban ngành liên quan, trình Chính phủ ban hành Nghị định về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi về tiền thuê đất cho những doanh nghiệp văn hóa cũng như luật đầu tư, tài trợ, hiến tặng để tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư và các nguồn lực đa dạng từ xã hội cho lĩnh vực văn hóa. Nhiệm vụ thứ hai là ban hành những chính sách hỗ trợ việc chuyển những đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp những dịch vụ và sản phẩm văn hóa cần được thực hiện mạnh hơn giai đoạn trước.

3.5. Tăng cường chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa

Chuyển đổi số trong văn hóa là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập toàn cầu. Chuyển đổi số trong văn hóa mang lại nhiều tác động tích cực, không chỉ giúp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa mà còn tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là một bước đi chiến lược và cần thiết để đảm bảo rằng văn hóa Việt Nam không chỉ được lưu giữ mà còn phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên số. Công nghệ số giúp lưu trữ và bảo tồn các tài nguyên văn hóa vật thể (hiện vật, kiến trúc) và phi vật thể (lễ hội, nghệ thuật biểu diễn) dưới dạng dữ liệu kỹ thuật số, bảo vệ chúng khỏi nguy cơ mai một hoặc bị hư hỏng theo thời gian. Bên cạnh đó, chuyển đổi số giúp nâng cao khả năng tiếp cận và quảng bá văn hóa cũng như cải thiện và hiện đại hóa quy trình quản lý văn hóa, thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data), giúp quản lý và phân bổ nguồn tài nguyên văn hóa hiệu quả hơn, là cơ sở cho các quyết định quản lý kịp thời và phù hợp hơn. Chuyển đổi số cũng góp phần tạo ra môi trường tương tác, giúp người dân dễ dàng tham gia sáng tạo và lan tỏa giá trị văn hóa thông qua các nền tảng trực tuyến, đặc biệt là giới trẻ, đồng thời giúp quảng bá văn hóa Việt Nam một cách thường xuyên, nhanh chóng, cập nhật trên trường quốc tế.

Đối với khu vực công và tư, quản lý và kinh doanh văn hóa, thì hiệu quả lâu dài của việc chuyển đổi số này sẽ là sự tiết giảm chi phí, làm việc thông minh, nâng cao hiệu suất làm việc và hiệu quả quản lý cũng như thúc đẩy sự

tăng lên về doanh thu của doanh nghiệp. Cùng với chuyển đổi số trong những lĩnh vực khác của xã hội, chuyển đổi số trong văn hóa sẽ góp phần tạo dựng nên một xã hội số với một nền kinh tế số mạnh mẽ và năng động. Đây không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết để bảo tồn di sản văn hoá và phát huy bản sắc dân tộc, mà còn là cơ hội để đưa văn hóa Việt Nam hòa nhập mạnh mẽ vào dòng chảy văn minh toàn cầu. Việc thực hiện thành công chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đòi hỏi sự đồng bộ trong chính sách, công nghệ, nguồn lực, và sự tham gia của cả mọi cá nhân, cộng đồng, tổ chức, đơn vị.

Bằng cách xây dựng một hệ thống thể chế, chính sách cho phát triển văn hóa mạnh mẽ, toàn diện, Việt Nam sẽ xây dựng nền văn hóa không chỉ là nền tảng của xã hội mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển, mang đến cho dân tộc “sức mạnh mềm” để đứng vững trong kỷ nguyên mới. Thể chế, chính sách sẽ là đôi cánh giúp văn hóa vươn cao, khẳng định vị thế trên trường quốc tế và là kim chỉ nam dẫn đường cho dân tộc đi tới tương lai.

3.6. Đổi mới tư duy, giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp xã hội

Thực hiện các hoạt động giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và các tầng lớp xã hội về quan điểm, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam để văn hóa vươn mình trong kỷ nguyên mới.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục về hệ giá trị, chuẩn mực, đạo đức, lối sống lành mạnh cho các cán bộ, đảng viên, người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Khuyến khích và phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền. Tiếp tục mở rộng, phát huy hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, phối hợp với các hãng thông tấn báo chí uy tín ở nước ngoài, các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài và các cộng đồng kiều bào Việt Nam để tuyên truyền, quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

3.7. Tăng cường đầu tư cho văn hoá

Sự đầu tư và hỗ trợ từ phía Nhà nước, không chỉ về nguồn lực tài chính mà còn là những biện pháp khuyến khích tinh thần sáng tạo, bảo trợ nghệ sĩ và tạo điều kiện để những tài năng văn hóa, nghệ thuật phát huy tối đa khả năng của mình. Đầu tư cho văn hóa không chỉ dành cho các ngành nghệ thuật như Hội họa, Âm nhạc, Điện ảnh... mà còn là xây dựng nền tảng giáo dục, để từ đó nuôi dưỡng ý thức về văn hóa cho mỗi người ngay từ khi còn nhỏ. Chính sách khuyến khích như giảm thuế cho các tổ chức nghệ thuật, tạo lập quỹ hỗ trợ sáng tạo, đầu tư xây dựng các cơ sở văn hóa, trung tâm nghệ thuật công cộng... là những biện pháp quan trọng giúp nâng cao đời sống văn hóa của xã hội, đồng thời tạo động lực cho sáng tạo nghệ thuật thăng hoa.

Tăng cường đầu tư cho văn hoá với sự cân bằng trong định hướng: đầu tư theo định hướng thị trường và đầu tư theo định hướng trợ cấp dịch vụ công. Nhà nước cần đầu tư vào những lĩnh vực nền tảng như củng cố hạ tầng thông tin và đào tạo, hỗ trợ pháp lý, tín dụng, đất đai và các cơ chế ưu đãi khác để thúc đẩy

sự đổi mới và nội lực trong sản xuất, phân phối sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thúc đẩy sự cố kết, tương tác cùng có lợi của hệ sinh thái văn hoá. Nhà nước quan tâm hơn nữa và hỗ trợ cho hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng, phi lợi nhuận, những các loại hình văn hoá có tính sáng tạo và có giá trị nghệ thuật, giá trị xã hội cao.

Trong kỷ nguyên mới, văn hóa chính là động lực phát triển bền vững của đất nước. Các giải pháp tập trung vào bảo tồn, đổi mới, sáng tạo và hội nhập văn hóa sẽ giúp Việt Nam không chỉ giữ gìn được bản sắc dân tộc mà còn vươn mình ra thế giới. Những nỗ lực này sẽ góp phần xây dựng một xã hội văn minh, giàu bản sắc và đầy sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của kỷ nguyên mới./.

Công tác xây dựng pháp luật Ngành văn hóa, thể thao và du lịch

Vụ Pháp chế

Trong những năm vừa qua, với tinh thần quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ, Ngành văn hóa, thể thao và du lịch đã đạt được nhiều thành tích trên tất cả các lĩnh vực quản lý của Ngành (những số liệu thống kê và những đánh giá trong Báo cáo tổng kết đã minh chứng cho điều đó).

Về công tác xây dựng pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với chức năng, nhiệm vụ là một Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, hiện nay chúng ta đang có 11 Luật điều chỉnh 08 lĩnh vực, 55 Nghị định đang trực tiếp điều chỉnh các lĩnh vực của Ngành như: Luật Điện ảnh, Luật Di sản văn hóa, Luật Thư viện, Luật Quảng cáo, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Du lịch, Luật Thể dục thể thao.... Chúng ta hiện đang có trên 200 Thông tư của Bộ trưởng ban hành để quy định chi tiết các Luật, các nghị định và nhiều Thông tư trong đó ban hành để quy định các biện pháp quản lý nhà nước cần thiết cho công tác quản lý của Ngành.

Từ năm 2021 đến nay, chúng ta đã chủ trì xây dựng 02 dự án Luật, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 21 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền 67 Thông tư của Bộ trưởng. Và đặc biệt năm nay, năm 2024, Bộ đã chủ trì xây dựng 02 Dự án Luật là Luật Di sản văn hóa (để thay thế hai văn bản Luật là Luật di sản ban hành năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009) và Luật sửa đổi bổ sung Luật quảng cáo; 01 Nghị quyết của Quốc Hội về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035. Trong đó, Luật Di sản văn hóa và Nghị quyết của Quốc Hội về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã được Quốc hội biểu quyết thông qua ngay trong kỳ họp thứ 8 vừa qua với tỷ lệ đại biểu tán thành rất cao (Nhiệt độ di sản văn hóa được 413 đại biểu có mặt tán thành đạt tỷ lệ 86,22%, Nghị quyết về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa được 430 đại biểu có mặt tán thành đạt tỷ lệ 89,77%). Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quảng cáo cũng đã được Quốc Hội cho ý kiến và dự kiến sẽ thông qua tại kỳ họp thứ 9 (trong năm 2025).

Như vậy, chúng ta có thể thấy, trong 03 năm từ đầu nhiệm kỳ đến nay Bộ đã chủ trì xây dựng khối lượng nhiều nhất các văn bản pháp luật đang điều chỉnh các lĩnh vực quản lý của Ngành.

Công tác xây dựng pháp luật là một công tác khó, từ việc tổng kết thực tiễn đến đề xuất chính sách, xây dựng dự thảo, lấy ý kiến đóng góp trong quá trình xây dựng dự thảo, quá trình dài tiếp thu, chỉnh lý, giải trình ... kể cả quá trình bảo vệ các quan điểm trong đề xuất các chính sách ... Để đạt được những thành tích như đã nêu trên là sự cố gắng lớn của mỗi cán bộ, công chức, các cơ quan được lãnh đạo Bộ phân công, tham gia. Nhưng cố gắng là chưa đủ, mà thực sự để có được kết quả tốt đẹp phải từ sự quyết liệt trong hành động, sự tận tâm

trong công hiến. Tinh thần quyết liệt đã lan tỏa trong Bộ và đang thể hiện bằng những việc làm cụ thể thời gian vừa qua.

Về hệ thống pháp luật nói chung, như Tổng Bí thư Tô Lâm đánh giá *“Nước ta đã hình thành hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, cơ bản điều chỉnh tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội; tạo nền tảng pháp lý để phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của đất nước...”*. Trong thành quả chung đó, có đóng góp rất quan trọng của Ngành chúng ta khi mà công tác xây dựng các văn bản pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch (Như hệ thống các Luật, Nghị định về lĩnh vực quản lý của Ngành hiện chúng ta đang có và nhất là được hoàn thiện từ đầu nhiệm kỳ đến nay) là một bộ phận góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục điểm nghẽn, điều chỉnh các mặt trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành. Một hệ thống các văn bản pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch đồng bộ là cơ sở để chúng ta thực hiện chuyển từ tư duy làm văn hóa sang quản lý nhà nước về văn hóa, khơi thông nguồn lực cho thể thao, tạo hành lang thông thoáng cho du lịch phát triển thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Tuy nhiên, với công tác xây dựng pháp luật, Tổng Bí thư cũng thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế. Đó là *“Chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, một số luật mới ban hành đã phải sửa đổi; các quy định chưa thực sự đồng bộ, còn chồng chéo, nhiều quy định còn khó khăn, cản trở việc thực thi, gây thất thoát, lãng phí các nguồn lực; chưa tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút nguồn lực của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, khơi thông nguồn lực trong dân. Thủ tục hành chính còn rườm rà, dịch vụ công trực tuyến tuy được cải tiến nhưng chưa thuận tiện, thông suốt; tổ chức thực thi pháp luật, chính sách vẫn là khâu yếu. Phân cấp, phân quyền chưa triệt để, chưa rõ trách nhiệm; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian còn bất cập, một bộ phận còn công kênh, chồng lấn giữa lập pháp và hành pháp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý...”*.

Nhận thức sâu sắc những chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Ngành văn hóa, thể thao và du lịch mặc dù trong những năm vừa qua và nhất là từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng pháp luật, nhưng trong thời gian tới phải tiếp tục không ngừng nghỉ nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và đẩy nhanh tiến độ rà soát, xây dựng pháp luật với các yêu cầu:

Thứ nhất, mỗi Cục, Vụ có chức năng tham mưu quản lý Nhà nước phải chủ động, quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong công tác rà soát các văn bản pháp luật điều chỉnh phạm vi lĩnh vực quản lý, phát hiện kịp thời những bất cập và chủ động tham mưu đề xuất việc sửa đổi, bổ sung theo đúng tinh thần chỉ đạo về chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng bảo đảm yêu cầu quản lý Nhà nước, khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Đặc biệt cần rà soát những quy định cấm hiện nay trong luật, dứt khoát từ bỏ tư duy *“không quản được thì cấm”*. Coi công tác rà soát văn

bản quy phạm pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ đầu tiên cần thực hiện liên tục, hàng năm.

Thứ hai, đối với các đơn vị được phân công chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật của Ngành phải nghiên cứu, thực hiện đổi mới mạnh mẽ tư duy trong công tác xây dựng văn bản, luôn gắn chặt với những vấn đề thực tiễn, bám sát thực tiễn của Ngành để xây dựng các quy định pháp luật phù hợp; từ thực tiễn và qua công tác rà soát để chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính, đánh giá tác động thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, tập trung nguồn lực để hoàn thành việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật Di sản văn hóa năm 2024 và Luật Lưu trữ; xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo sau khi được Quốc hội thông qua, bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ, không để xảy ra tình trạng nợ đọng văn bản, làm ảnh hưởng đến việc thi hành các Luật trong thực tiễn.

Thứ năm, tăng cường công tác tổ chức thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; thường xuyên đánh giá hiệu quả pháp luật sau ban hành; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, trái pháp luật.

Để công tác xây dựng pháp luật Ngành văn hóa, thể thao và du lịch đạt được những kết quả tốt theo đúng tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư, cần có sự quyết tâm cao, sự nỗ lực lớn, quyết liệt trong hành động và tinh thần kỷ luật của toàn thể cán bộ, công chức, người lao động của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Giải pháp phát triển văn hóa đọc trong bối cảnh chuyển đổi số

Vụ Thư viện

Phát triển văn hóa đọc trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số là nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng, đang đặt ra những yêu cầu mới đối với của ngành văn hóa nói chung và lĩnh vực thư viện nói riêng, góp phần hình thành những con người mới có tri thức, đạo đức, nhân cách, hành vi, lối sống tốt đẹp để xây dựng và phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Hiện nay, quá trình chuyển đổi số đã và đang tác động đến mọi ngành, lĩnh vực trong xã hội, trong đó có hoạt động thư viện. Cũng như nhiều lĩnh vực khác, quá trình chuyển đổi số đã mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức cho lĩnh vực thư viện. Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin đã xuất hiện những nguồn tài nguyên thông tin mới, nguồn thông tin dạng số - loại nguồn tin có rất nhiều ưu thế với khả năng chia sẻ, lưu giữ, trao đổi thông tin đã thu hút số lượng lớn người sử dụng và đang làm thay đổi thói quen đọc, hình thành thói quen mới cho người đọc hiện đại. Bên cạnh đó, nhu cầu thông tin của người sử dụng đang ngày càng tăng cao, số lượng người cần cung cấp thông tin ngày càng lớn. Tất cả đang đặt ra yêu cầu thư viện phải từng bước tham gia, triển khai các hoạt động phù hợp, phát triển thư viện số, tài nguyên thông tin số, đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trong đời sống cộng đồng.

1. Quan điểm chỉ đạo, định hướng về phát triển văn hóa đọc trong bối cảnh mới

Trong những năm gần đây, nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng của Đảng đã được ban hành, trong đó Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản: “, trong đó chỉ rõ: *“Chăm lo phát triển nhu cầu văn hóa đọc của các tầng lớp nhân dân...”*, định hướng, khuyến khích và tạo điều kiện cho văn hóa đọc phát triển.

Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước: *“Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp Nhân dân...”*.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về xây dựng phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam: *“Chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp Nhân dân đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại”* để từng bước *“xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của Nhân dân”*, *“thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời”*.

Đây là những định hướng quan trọng tạo nền tảng trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển văn hóa đọc.

Đặc biệt, Luật Thư viện số 46/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 21/11/2019 là một trong những văn bản pháp lý quan trọng nhất có tác động đến sự nghiệp thư viện và phát triển văn hóa đọc. Trong đó, Điều 30 của Luật Thư viện đã quy định về việc phát triển văn hóa đọc thông qua các hoạt động: *(1) Tổ chức hoạt động hình thành thói quen đọc trong gia đình, trường học, cơ quan, tổ chức trong phạm vi cả nước; (2) hướng dẫn phương pháp, kỹ năng đọc, khai thác tài nguyên thông tin cho trẻ em tại thư viện cơ sở giáo dục, cơ sở mầm non, thư viện cơ sở giáo dục phổ thông; Phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện; (3) Phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện; (4) đẩy mạnh liên thông giữa thư viện công cộng và các thư viện khác trên địa bàn; truy cập và khai thác thông tin, tri thức từ thư viện số dùng chung thông qua thiết bị điện tử, sử dụng thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin.*

Như vậy, Luật Thư viện đã cụ thể hóa và tạo hành lang pháp lý quan trọng đối với hoạt động phát triển văn hóa đọc, thông qua việc cụ thể hóa các hoạt động trong việc xây dựng môi trường đọc hướng đến hình thành thói quen và kỹ năng đọc cho các đối tượng. Đặt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế chuyển đổi số, vấn đề liên thông, liên kết để từ đó thiết lập một hệ thống thư viện năng động, kết nối trên nền tảng chuyển đổi số là một vấn đề cần được quan tâm.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các Đề án, Chương trình để định hướng phát triển như:

Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với mục tiêu: *xây dựng và phát triển thói quen, nhu cầu, kỹ năng và phong trào đọc trong mọi tầng lớp nhân dân; cải thiện môi trường đọc; góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, hình thành lối sống lành mạnh trong con người, xã hội Việt Nam, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập.*

Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” (phê duyệt theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021) xác định mục tiêu: *tiếp tục và tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, bảo đảm đến năm 2030, mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại, nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”.*

Chỉ thị số 20/CT-Ttg ngày 01/11/2022 về đẩy mạnh đổi mới hoạt động của thư viện trong xây dựng, phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin cho

thiếu nhi xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp là *tập trung phát triển văn hóa đọc, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời, khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động, phong trào đọc chủ động, thường xuyên; xây dựng điểm mô hình khuyến đọc, không gian đọc thân thiện với thiếu nhi; phát triển và nhân rộng mô hình tủ sách gia đình, tủ sách dòng họ, tủ sách trường học, mô hình “Gia đình đọc sách - Gắn kết yêu thương”*.

Trong bối cảnh mới, thực hiện chủ trương chuyển đổi số quốc gia, trong lĩnh vực thư viện, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021) với mục tiêu chung: *ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; bảo đảm cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí và xã hội học tập*.

Cùng với các văn bản chỉ đạo, định hướng của Đảng, Nhà nước và Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) đã phê duyệt danh mục các sản phẩm chủ lực và tổ chức nhiều diễn đàn, hội thảo để nhận dạng và xác định nhiệm vụ của các ngành trong cách mạng công nghiệp 4.0; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Chương trình; chỉ đạo, hướng dẫn các Sở VHTTDL/VHTT hoàn thiện cơ chế chính sách, kiện toàn, củng cố hệ thống thư viện công cộng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình nghiệp vụ thư viện, ... xây dựng và phát triển tài nguyên thông tin số và kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu lớn, đổi mới hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ thư viện, triển khai chuyển đổi số phục vụ nhu cầu đọc đa dạng của người sử dụng.

2. Thư viện với hoạt động lan tỏa, phát văn hóa đọc trong chuyển đổi số

Hệ thống thư viện Việt Nam hiện nay bao gồm mạng lưới thư viện rộng khắp cả nước, đa dạng từ trung ương đến cơ sở, gồm 01 Thư viện Quốc gia Việt Nam; hệ thống thư viện công cộng có: 63 thư viện cấp tỉnh, 641 thư viện cấp huyện, 4.184 thư viện cấp xã và hàng nghìn phòng đọc, tủ sách, không gian đọc tại cơ sở, gần 400 thư viện đại học và tương đương; khoảng 27.000 thư viện trường học, gần 100 thư viện thuộc các bộ, ngành, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học; gần 2.700 thư viện, phòng đọc, tủ sách của lực lượng công an nhân dân và 490 thư viện và 2.668 tủ sách phòng đọc sách Hồ Chí Minh trong hệ thống thư viện quân đội, 115 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các thư viện Việt Nam hiện nay đang phát triển chuyển dần từ mô hình thư viện truyền thống sang xây dựng thư viện truyền thống kết hợp phát triển thư viện hiện đại, thư viện điện tử/ thư viện số. Hoạt động của hệ thống thư viện công cộng đã có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng để bảo đảm nhu cầu tiếp cận thông tin, tri thức, phát triển văn hóa đọc, phục vụ học tập suốt đời của người dân. Hàng loạt các dự án, chương trình, kế hoạch cụ thể của các địa phương đã được ban hành nhằm từng bước hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thư viện.

Theo báo cáo kết quả công tác năm 2024 của hệ thống thư viện công cộng, các thư viện đã luôn xác định xây dựng tài nguyên thông tin là một trong những nhiệm vụ trọng tâm quyết định chất lượng hoạt động của thư viện. Năm 2024, tổng số tài nguyên thông tin của Thư viện Quốc gia Việt Nam nhận được qua nguồn lưu chiều và bổ sung là 93.847 bản; của hệ thống thư viện công cộng (gồm thư viện công cộng cấp tỉnh và cấp huyện) là 670.712 bản. Công tác phục vụ người sử dụng thư viện đã có sự đổi mới với nhiều hình thức phục vụ sáng tạo, hiệu quả. Bên cạnh duy trì phục vụ dịch vụ thư viện truyền thống như đọc, mượn trả tài liệu, tư vấn thông tin tại chỗ, các thư viện đã tăng cường phục vụ lưu động và phục vụ trực tuyến, truy cập từ xa nguồn tài liệu số hóa, cơ sở dữ liệu, sách, tạp chí điện tử phục vụ tài nguyên thông tin qua mạng Internet, cụ thể:

- Công tác cấp thẻ cho người sử dụng thư viện: Thư viện Quốc gia Việt Nam cấp 9.717 thẻ; hệ thống thư viện công cộng (cấp tỉnh và cấp huyện) cấp 603.085 thẻ (tăng 15% so với năm 2023).

- Lượt tài nguyên thông tin được phục vụ tại trụ sở thư viện, luân chuyển, lưu động, phục vụ truy cập trực tuyến, từ xa qua mạng Internet đạt kết quả: Thư viện Quốc gia Việt Nam phục vụ 537.090 lượt tài nguyên thông tin; hệ thống thư viện công cộng (cấp tỉnh và cấp huyện) phục vụ 108.800.019 lượt tài nguyên thông tin (tăng 10,9 so với năm 2023).

- Lượt người sử dụng thư viện được phục vụ thông qua các hình thức (tại chỗ, luân chuyển, lưu động, phục vụ truy cập trực tuyến, từ xa qua mạng Internet...) tiếp tục được các thư viện triển khai hiệu quả: Thư viện Quốc gia Việt Nam phục vụ 2.757.642 lượt người sử dụng; thư viện công cộng (cấp tỉnh và cấp huyện) phục vụ 89.022.292 lượt người sử dụng (tăng 15,1% so với năm 2023).

Các địa phương đã có nhiều cách làm hay, đổi mới hoạt động thư viện, có thành tích phục vụ hiệu quả phải kể đến như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ... Công tác thông tin, tuyên truyền và tổ chức các sự kiện, dịch vụ thư viện tiếp tục được chú trọng tổ chức với hàng nghìn sự kiện văn hóa, phát triển văn hóa đọc và phục vụ học tập suốt đời thông qua các hoạt động như: trưng bày, triển lãm, hội báo xuân, cuộc thi, hội thi, liên hoan, các hoạt động hưởng ứng ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam, Ngày Sách và Bản quyền thế giới, Tuần lễ học tập suốt đời... Tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động với nhiều chủ đề phong phú, hình thức sinh hoạt đa dạng dành cho mọi đối tượng người sử dụng thư viện như: ứng dụng STEM, trải nghiệm sáng tạo cùng AI, Nét vẽ xanh, hè vui cùng thư viện, vui hội trăng rằm, phim hoạt hình với trẻ thơ, đọc sách cùng bé và trò chơi tương tác... Các địa phương đã có nhiều sáng tạo, đổi mới hình thức phục vụ, tăng cường các hoạt động trải nghiệm thu hút bạn đọc như: Hà Nội, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Kiên Giang...

Bên cạnh những hoạt động đẩy mạnh phong trào đọc, lan tỏa văn hóa đọc trong cộng đồng, một số khó khăn, thách thức của hệ thống thư viện công cộng được chỉ ra như sau:

- Nhiều thư viện công cộng còn chưa có trụ sở riêng, không ít thư viện chỉ có trụ sở nhỏ, hẹp, cơ sở vật chất đã xuống cấp, hệ thống máy tính và các trang thiết bị chưa được trang bị đầy đủ, không được thay thế, nâng cấp thường xuyên. Hiệu quả phục vụ của các thư viện cấp xã, tủ sách, phòng đọc cơ sở còn chưa cao do điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo, nguồn tài nguyên thông tin nghèo nàn, vị trí không phù hợp, địa điểm đặt thư viện, tủ sách chưa dễ tiếp cận, do vậy việc duy trì và phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

- Kinh phí cấp cho các hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển thư viện. Tại một số địa phương, việc giao kinh phí và các thủ tục đấu thầu sách còn chậm, ảnh hưởng đến công tác bổ sung tài nguyên thông tin, xử lý và phục vụ tài liệu của thư viện, nhất là việc phát triển kho sách luân chuyển còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu luân chuyển tài liệu, phục vụ lưu động cho người dân ở cơ sở.

- Nhận thức về vai trò của thư viện đối với việc xây dựng môi trường văn hóa, thúc đẩy học tập suốt đời và phát triển văn hóa đọc tại một số địa phương còn hạn chế, nên chưa được quan tâm đúng mức cho đầu tư phát triển hoạt động thư viện.

3. Một số giải pháp phát triển văn hóa đọc trong bối cảnh chuyển đổi số

Đề văn hóa đọc thực sự phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số, tạo được sự lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng, cần quan tâm một số giải pháp như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, các chính sách cho hoạt động thư viện phát triển, tạo môi trường pháp lý mạnh mẽ, thuận lợi cho tổ chức các hoạt động thư viện gắn liền với việc ứng dụng công nghệ số, xây dựng, phát triển tài nguyên thông tin số, triển khai các sản phẩm dịch vụ mới trong thư viện, đáp ứng nhu cầu đọc của người sử dụng hiện đại.

- Tập trung hoàn thiện và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện có vai trò quan trọng. Định hướng phát triển Thư viện Quốc gia Việt Nam trở thành Thư viện số quốc gia là đầu mối tích hợp, chia sẻ dữ liệu số mang tính tập trung với các thư viện trong mạng lưới thư viện Việt Nam và quốc tế; các thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện có vai trò quan trọng có khả năng kết nối, tích hợp, liên thông dữ liệu với Thư viện Quốc gia bảo đảm cung ứng nguồn tài nguyên thông tin, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

- Xây dựng môi trường đọc thân thiện, bố trí thư viện có trụ sở riêng, các phòng phục vụ có không gian rộng; tổ chức không gian thư viện theo hướng mở, thiết kế tiện nghi, hiện đại ấn tượng, đa chức năng, đa dịch vụ và trải nghiệm, kết hợp nhiều dịch vụ hướng đến cộng đồng, hỗ trợ được chiến lược học tập của từng cá nhân và tập thể, có sự tương tác giữa các dịch vụ truyền thống và kỹ thuật số với người sử dụng, cũng như giữa nhân viên thư viện và người sử dụng, tạo sự thân thiện, thuận lợi cho người sử dụng đến thư viện để nghiên cứu, học tập, giải trí.

Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác phục vụ, hỗ trợ người sử dụng khai thác tài nguyên thông tin một cách hiệu quả; cần phát triển đa dạng phương thức phục vụ, mở rộng nhiều hoạt động phục vụ ngoài thư viện tới các trường học, các khu dân cư, các địa điểm công cộng vùng sâu vùng xa, bệnh viện, khách sạn, trại giam; tăng cường các dịch thông tin trực tuyến, truy cập từ xa nguồn tài liệu số hóa, cơ sở dữ liệu, sách, tạp chí điện tử, hỗ trợ người sử dụng có thể tiếp cận thông tin và các dịch vụ thư viện bất kể lúc nào, ở đâu, không phụ thuộc vào các yếu tố thời gian, không gian và địa điểm.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao về nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin, đa ngành, đa lĩnh vực, trở thành các “thủ thư số”, “thủ thư đa năng” có kỹ năng phục vụ nhu cầu đọc, kỹ năng số, kỹ năng tổ chức dữ liệu và triển khai dịch vụ số, kỹ năng quản lý hoạt động trong môi trường công nghệ hiện đại, kỹ năng mềm...; tăng cường vai trò của nhân viên thư viện trong chuỗi giá trị nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, làm chủ công nghệ mới áp dụng hiệu quả vào hoạt động thư viện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá tạo nhận thức đúng về vai trò của sách và việc đọc sách trong cộng đồng xã hội, quảng bá văn hoá đọc thông qua việc tổ chức phục vụ cộng đồng, tổ chức ngày hội sách, trưng bày triển lãm, giới thiệu tư liệu, giao lưu văn hóa, các cuộc thi, hội thi, trao Giải thưởng Phát triển văn hóa đọc hàng năm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa, vận động sự ủng hộ của xã hội để gia tăng nguồn tài nguyên thông tin, tạo môi trường đọc thuận lợi, phục vụ, hỗ trợ học tập suốt đời, thúc đẩy phong trào đọc trong nhân dân... Khuyến khích, kết nối, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia phát triển văn hóa đọc.

Văn hóa đọc là một trong những thành tố cấu thành văn hóa, giáo dục. Phát triển văn hóa đọc gắn với phát triển con người, với sức mạnh nội sinh (sức mạnh mềm) của mỗi quốc gia. Việc phát triển văn hóa đọc, thúc đẩy học tập suốt đời trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số là một trong những vấn đề mang ý nghĩa chiến lược quốc gia trong việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nhân tố quyết định của sự thành công và phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./.

Phát triển du lịch Hà Nội – Nhiệm vụ và giải pháp

Sở Du lịch TP. Hà Nội

Có thể khẳng định trong năm 2024, trong bối cảnh tình hình chính trị - xã hội quốc tế có nhiều biến động lớn, diễn biến phức tạp, khó lường; nhiều ngành, lĩnh vực trong nước còn gặp khó khăn, thách thức; Du lịch Việt Nam nói chung và Du lịch Hà Nội nói riêng tiếp tục có sự phục hồi và phát triển tốt, là điểm sáng trong tổng thể các ngành kinh tế của Thủ đô.

Trong năm 2024, Du lịch Thủ đô đã chủ động triển khai quyết liệt, sáng tạo các chỉ đạo, định hướng quan trọng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đặc biệt là các văn bản lớn về phát triển du lịch được Bộ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành như: Nghị quyết 82/NQ-CP về các giải pháp đẩy nhanh phục hồi tăng tốc phát triển du lịch; Chỉ thị 08/CT-TTg về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững; Quyết định 509/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia; các chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy tại Kết luận số 146-KL/TU ngày 11/3/2024, của UBND Thành phố tại Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 04/6/2024 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội giai đoạn 2024-2025..., thông qua đó đạt được nhiều kết quả, thành tích nổi bật, cụ thể:

Thứ nhất, Tất cả các chỉ tiêu phát triển du lịch Thủ đô năm 2024 đều tăng trưởng tốt, trong đó tổng số lượng khách du lịch đến Hà Nội ước đạt 27,86 triệu lượt khách, tăng 12,7% so với năm 2023, khách quốc tế ước đạt 6,35 triệu lượt, tăng mạnh 34,4% so với năm 2023, đứng đầu các tỉnh, thành phố, tương đương mức 36,3% của cả nước; tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 110,52 nghìn tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2023.

Thứ hai, đối với thị trường quốc tế, Thủ đô Hà Nội tiếp tục khẳng định được vị trí, hình ảnh, thương hiệu là một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn, đặc sắc hàng đầu trong khu vực cũng như trên thế giới. Thành phố Hà Nội được vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng lớn, nổi bật như giải thưởng “Điểm đến du lịch thành phố hàng đầu châu Á”; “Điểm đến Thành phố golf tốt nhất thế giới năm 2024” do Tổ chức World Travel Awards trao tặng; nằm trong nhóm “100 điểm đến thành phố hấp dẫn nhất thế giới năm 2024” do trang nghiên cứu Euromonitor International bình chọn... thông qua đó, khẳng định sự hấp dẫn, thương hiệu của Hà Nội đối với du khách trong và ngoài nước.

Thứ ba, đối với thị trường trong nước, Hà Nội tiếp tục khẳng định là một trong hai trung tâm phân phối khách du lịch lớn nhất cả nước, là đầu tàu trong thúc đẩy sự phát triển du lịch của vùng Đồng bằng sông Hồng, miền Bắc cũng như cả nước. Ngành Du lịch Thủ đô được đánh giá là lá cờ đầu trong các phong trào thi đua phát triển của toàn ngành, là đơn vị tiên phong triển khai sáng tạo các chương trình, nội dung, kế hoạch mới của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, như:

- Ngành Du lịch Thủ đô đã chủ động, sáng tạo xây dựng Kế hoạch phát triển du lịch đêm kết hợp khai thác các yếu tố văn hóa đặc sắc, riêng có của Thủ đô, coi đây là sản phẩm du lịch mới, chủ đạo, trọng tâm trong Chương trình phát triển du lịch của Thành phố, đến nay đã khai trương 20 sản phẩm du lịch ban đêm; hình thành 07 không gian, tuyến phố đi bộ kết hợp dịch vụ, ẩm thực ban đêm thu hút hàng trăm nghìn lượt khách mỗi năm như: Phố đi bộ khu vực Hồ Hoàn Kiếm và phụ cận, Phố đi bộ Trần Nhân Tông,... Nhiều mô hình sản phẩm du lịch đã được các địa phương trong nước đến học tập như Điểm đến du lịch cộng đồng bản Miền, xã Ba Vì, huyện Ba Vì gắn với tìm hiểu văn hóa bản địa và nghề làm thuốc Nam của người Dao; Tuyến du lịch làng nghề kết nối Trung tâm Hà Nội đi 03 huyện ngoại thành với chủ đề “Con đường di sản Nam Thăng Long - Hà Nội - Điểm về nguồn cội”.

- Du lịch Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thể hiện vai trò hạt nhân kết nối du lịch của cả nước. Đã tích cực phối hợp với các tỉnh, thành phố tham gia nhiều chương trình xúc tiến du lịch quốc tế lớn như: Chương trình xúc tiến du lịch Việt Nam - Châu Âu tại thành phố Munich; tham gia các Chương trình quảng bá Du lịch - Điện ảnh Việt Nam tại Hoa Kỳ; Chương trình Roadshow giới thiệu du lịch Việt Nam tại Úc và New Zealand...

- Du lịch Hà Nội đã chủ động tham mưu Thành phố ưu tiên dành nguồn lực cho công tác tổ chức các sự kiện, chương trình du lịch theo hướng bài bản, chuyên nghiệp và thường niên. Các sự kiện như: Lễ hội Quà tặng Du lịch Hà Nội; Lễ hội Áo dài Du lịch Hà Nội 2024; Festival Thu Hà Nội đã tạo tiếng vang lớn, thu hút hàng chục nghìn lượt khách du lịch trong nước và quốc tế. Đây là tiền đề quan trọng để Sở Du lịch tiếp tục thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch lễ hội, du lịch sự kiện.

Năm 2025 là năm cuối trong nhiệm kỳ 2021-2025, là năm nền tảng cho công tác hoạch định chính sách, định hướng phát triển Du lịch Hà Nội nói riêng và Du lịch Việt Nam nói chung trong *Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*. Trên cơ sở đó, cùng với việc nắm bắt được những thuận lợi cũng như nhận diện khó khăn, thách thức, Du lịch Hà Nội đặt mục tiêu năm 2025 thu hút được trên 30 triệu lượt khách, tăng 11,1% so với ước thực hiện năm 2024, với trên 7 triệu lượt khách du lịch quốc tế, tăng 27,3% và 23 triệu lượt khách nội địa, tăng 7%; tổng thu từ khách du lịch đạt trên 130 nghìn tỷ đồng, tăng 26,1% so với ước thực hiện năm 2024.

Để đạt được những mục tiêu trên, ngành Du lịch Hà Nội tập trung 05 nhiệm vụ trọng tâm là:

- **Thứ nhất**, dành nguồn lực tổ chức điều tra, nghiên cứu, đánh giá thị trường khách du lịch (nội địa và quốc tế), chỉ tiêu về mức chi tiêu của khách du lịch, chỉ tiêu về đóng góp của ngành Du lịch; triển khai điều tra tổng thể tài nguyên du lịch trên địa bàn Thành phố theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm phục vụ công tác đầu tư, xây dựng phát triển dịch vụ, sản

phẩm, cơ sở hạ tầng du lịch chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch.

- **Thứ hai**, tập trung phát triển đa dạng, cũng như nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch. Trong đó, tiếp tục ưu tiên đầu tư, làm mới các sản phẩm thế mạnh của Thủ đô như du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp nông thôn, cộng đồng. Dự kiến, năm 2025, Thành phố sẽ ra mắt 02 tuyến du lịch văn hóa kết nối tới phía nam và phía tây Thành phố; 01 điểm đến du lịch cộng đồng tại huyện Mỹ Đức; 01-02 mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn và sản phẩm du lịch đêm. Bên cạnh đó, Hà Nội sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm du lịch mới tại các khu vực có tiềm năng, thế mạnh như: du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch trải nghiệm, du lịch sông Hồng, du lịch bay trực thăng, bay khinh khí cầu, du lịch ứng dụng thực tế ảo...

- **Thứ ba**, tổ chức chuỗi sự kiện du lịch lớn, trọng điểm năm 2025 theo hướng chuyên nghiệp, đặc sắc, quy mô lớn. Nghiên cứu, triển khai Chương trình tuyên truyền, quảng bá điểm đến Hà Nội trên kênh truyền thông, truyền hình uy tín quốc tế.

- **Thứ tư**, ưu tiên dành nguồn lực cho hoạt động xúc tiến du lịch quốc tế. Trong đó, tham mưu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thành phố Hà Nội tổ chức các chương trình chuyên nghiệp, hấp dẫn giới thiệu du lịch Việt Nam và Hà Nội (Roadshow) tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm như: Ấn Độ, EU, Bắc Mỹ...

Thứ năm, xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số, trong đó tập trung: xây dựng bản đồ số du lịch thành phố Hà Nội; tăng cường số hóa dữ liệu về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch./.

Bảo tồn, phát huy giá trị các lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch

Sở VH TTDL tỉnh Lạng Sơn

Theo thống kê hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 280 lễ hội, trong đó có 247 lễ hội truyền thống, 33 lễ hội văn hóa, ngành nghề. Các lễ hội truyền thống được xem là một loại hình di sản tiêu biểu, là “hoạt động văn hoá cao”, “hoạt động văn hoá nổi trội” trong đời sống của cộng đồng các dân tộc tỉnh Lạng Sơn. Hơn thế nữa, với tư cách là tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt, bản thân các lễ hội hay việc tổ chức các lễ hội kết hợp phát triển du lịch là mô hình mới được hình thành những năm gần đây và đang trên đà phát triển mạnh, đem lại những hiệu quả văn hóa và kinh tế thiết thực. Ý thức được việc cần phải bảo tồn những nét văn hóa độc đáo của dân tộc. Những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch luôn được tỉnh Lạng Sơn quan tâm, chú trọng thông qua một số hoạt động cụ thể như sau:

- *Về công tác kiểm kê, nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, biên soạn và phát hành sách, ấn phẩm, lập hồ sơ khoa học về lễ hội:* đã hoàn thành công tác tổng kiểm kê, lập danh mục lễ hội. Từ năm 2000 đến nay tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành khoảng 20 dự án nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng các lễ hội; tiến hành biên soạn, phát hành khoảng 10 cuốn sách về lễ hội truyền thống; nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cho 06 lễ hội¹; xây dựng, phê duyệt Đề án bảo tồn và phát huy giá trị Lễ hội đền Kỳ Cùng – đền Tả Phủ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

- *Về công tác quản lý, tổ chức lễ hội:* thời gian qua tỉnh Lạng Sơn đã triển khai thực hiện được một số mô hình quản lý tổ chức lễ hội hiệu quả như sau:

Mô hình tổ chức Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch gắn với lễ hội tiêu biểu của tỉnh: Từ năm 2017, tỉnh Lạng Sơn tổ chức Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch gắn với lễ hội hoa Đào; khai hội Lễ hội Đền Kỳ Cùng - Đền Tả Phủ (thành phố Lạng Sơn), diễn ra từ ngày 22 tháng Giêng đến ngày 27 tháng Giêng âm lịch hàng năm với quy mô cấp tỉnh. Việc tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch lớn của tỉnh gắn liền với thời gian diễn ra lễ hội tiêu biểu bậc nhất của thành phố Lạng Sơn. Cùng các nghi thức, nghi lễ gắn liền với lễ hội đã tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện liên hoàn, tiêu biểu là: Liên hoan trình diễn Châu Văn; Hội thi "Hương sắc ẩm thực Xứ Lạng"; Hội hát Sli, lượn và thi Lày cỏ dân tộc Nùng, Tày Lạng Sơn; Đua bè mảng trên sông Kỳ Cùng...đã góp phần lan tỏa không gian văn hóa hội nói riêng, văn hóa Lạng Sơn nói chung; quảng bá hiệu quả cho các hoạt động, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến với tỉnh Lạng Sơn.

¹ Gồm Lễ hội: Ná Nhèm (xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn), Bùng Kham (xã Đại Đồng, huyện Tràng Định), Phài Lừa (xã Hồng Phong, huyện Bình Gia), Trờ Ngô (xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng); Kỳ Cùng – Tả Phủ (thành phố Lạng Sơn) và Lễ hội chùa Bắc Nga (xã Gia Cát, huyện Cao Lộc).

Mô hình tổ chức lễ hội điểm: Nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở cấp cơ sở, hằng năm UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố lựa chọn mỗi địa phương 01 lễ hội để tổ chức khai mạc với quy mô cấp huyện, gắn với quảng bá tiềm năng văn hóa, du lịch; khuyến khích việc phục dựng, tổ chức các lễ hội đã mai một tại các địa phương. Việc tổ chức lễ hội điểm góp phần nâng cao năng lực quản lý, tổ chức của chính quyền cơ sở, tạo điểm nhấn tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá tiềm năng di sản văn hóa địa phương.

- *Về tạo lập không gian, môi trường văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh tại lễ hội:* Song song với việc quản lý lễ hội, cùng với việc duy trì phần lễ đảm bảo trang nghiêm, thành kính; phần hội với nhiều trò chơi, trò diễn truyền thống và hiện đại theo đặc thù riêng của từng lễ hội. Tỉnh Lạng Sơn đã lồng ghép việc trình diễn, giới thiệu một số loại hình di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, UNESCO công nhận và ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại như: Then, Múa sư tử dân tộc Tày, Nùng, sli...thông qua việc huy động các lực lượng nghệ nhân, chủ thể văn hóa tại địa phương, cơ sở hoặc chỉ đạo Ban tổ chức lễ hội các cấp xây dựng chương trình phối hợp với Hội bảo tồn dân ca tỉnh huy động các câu lạc bộ thuộc Hội đến các lễ hội gây dựng, tái hiện các loại hình di sản tại lễ hội và khu vực xung quanh lễ hội.

Trên cơ sở đó trong những năm qua, công tác tổ chức và quản lý lễ hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã có nhiều chuyển biến tích cực, từ tư duy nhận thức của các cấp lãnh đạo và toàn xã hội; việc ban hành và thực thi các văn bản quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra lễ hội cho đến việc phục hồi và phát huy có hiệu quả nhiều lễ hội dân gian, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Hoạt động lễ hội đã thực sự trở thành hoạt động văn hóa du lịch, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập quốc tế và kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị lễ hội vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định như: Việc quy hoạch lễ hội chưa được quan tâm chỉ đạo, triển khai kịp thời; một số lễ hội đang bị nhạt nhòa, đơn điệu hóa, khuôn mẫu hóa, hành chính hóa, sân khấu hóa...làm tính chủ động, sáng tạo của cộng đồng, chủ thể lễ hội bị suy giảm, lễ hội trở nên đơn điệu và mang nặng tính phô trương hình thức; hiện tượng làm mới và biến đổi một số nghi thức, nghi lễ truyền thống của lễ hội trên địa bàn bắt đầu xuất hiện; công tác tuyên truyền, quảng bá về lễ hội còn hạn chế; việc ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, lễ hội nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu; việc bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội gắn với phát triển du lịch, dịch vụ, xây dựng và phát triển lễ hội trở thành nguồn tài nguyên nhân văn, một sản phẩm du lịch mang thương hiệu của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu, tiềm năng hiện có.

Trước hiện trạng trên, để quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội trong thời gian tới, cần triển khai thực hiện hiệu quả một số nội dung sau:

Một là: Đẩy mạnh công tác quản lý Nhà nước, thực hiện nghiên cứu, thống kê và phân loại lễ hội trên từng địa bàn để có biện pháp quản lý phù hợp. Đồng thời, có cơ chế và phương thức, mô hình quản lý lễ hội phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm lễ hội ở địa phương, đảm bảo nguyên tắc nhà nước chỉ đạo, quản lý và điều hành, nhân dân tổ chức thực hiện.

Hai là: Tăng cường kiểm tra, giám sát, nắm diễn biến, thay đổi đang diễn ra trong thực tiễn, kịp thời điều chỉnh để lễ hội phát triển, nhưng vẫn giữ được hồn cốt của lễ hội truyền thống. Đồng thời, cần có sự phân định rõ ràng trách nhiệm của các cấp trong quản lý, bảo tồn lễ hội và di tích, không để tình trạng các lễ hội phát triển tự phát, lai căng, làm mất đi giá trị văn hóa của lễ hội cổ truyền. Kiên quyết dẹp bỏ hiện tượng thương mại hóa, mê tín dị đoan lấn át giá trị văn hóa của lễ hội, kịp thời chỉ đạo và uốn nắn các biểu hiện lệch lạc, để lễ hội ngày càng văn minh, an toàn, hiệu quả góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương.

Ba là: Quan tâm xây dựng quy hoạch và tiến hành nghiên cứu, phục dựng bảo tồn các lễ hội, những mỹ tục cổ truyền đang có nguy cơ bị mai một, trong mối liên hệ gắn kết với đề án phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, dịch vụ ở địa phương. Hướng tới việc tạo lập xây dựng, hình ảnh lễ hội xứng tầm là điểm du lịch văn hóa tiêu biểu, đảm bảo nhu cầu phát triển hiện tại và tương lai theo đúng Luật Di sản văn hóa của Việt Nam và Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO. Thực sự trở thành “địa chỉ đỏ” kết nối du khách trong và ngoài tỉnh đến với địa phương, từ đó, xác định việc đầu tư tài chính cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tạo lập, sáng tạo những giá trị văn hóa mới phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương là vấn đề mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Bốn là: Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng và phổ biến pháp luật, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể xã hội trong việc thực hiện nếp sống văn minh trong quản lý, tổ chức lễ hội. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, quan tâm đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, lễ hội nói riêng. Khai thác phát huy vai trò của các youtuber, tiktoker, người nổi tiếng; khuyến khích nghệ nhân, chủ thể văn hóa tham gia sản xuất, đăng tải video về lễ hội trên các kênh phương tiện truyền thông số, các trang mạng xã hội, ứng dụng Zalo, Twitter, Tiktok... nhằm tạo hiệu ứng làm thăng hoa giá trị di sản, phục vụ hiệu quả công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu, lan tỏa không gian văn hóa lễ hội đến với Nhân dân, du khách trong và ngoài nước trên không gian mạng trong thời kỳ hội nhập quốc tế và kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Năm là: Xây dựng các cơ chế, chính sách, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động, khai thác các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế nguồn tài nguyên nhân văn, thế mạnh đặc trưng về lễ hội nói riêng đặc trưng bản sắc văn hóa con người Lạng Sơn nói chung để tăng cường liên kết, kêu gọi xúc tiến, đầu tư, phát triển du lịch một cách bền vững và lâu dài./.

Kế hoạch tổ chức Năm Du lịch Quốc gia Việt Nam 2025

Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế

Thừa Thiên Huế là vùng đất địa linh, nhân kiệt, văn hiến, lịch sử, với Cố đô duy nhất còn tương đối nguyên vẹn của Việt Nam, Huế mang trong mình những giá trị di sản của quốc gia và thế giới với **08** di sản thế giới được UNESCO công nhận cùng nhiều di tích văn hóa - lịch sử và di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; có nền văn hóa ẩm thực phong phú và độc đáo; là vùng đất có nhiều cảnh quan thiên nhiên xinh đẹp và hùng vĩ, trong đó có hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai với diện tích trên 22 nghìn ha - lớn nhất khu vực Đông Nam Á, vườn quốc gia Bạch Mã – kho báu di sản thiên nhiên, vịnh biển Lăng Cô - một trong những vịnh đẹp của thế giới,...

Thừa Thiên Huế có địa thế chính trị - kinh tế quan trọng, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là cửa ngõ của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây nối Myanmar, Thái Lan, Lào với biển Đông qua trục giao thông quốc lộ 1A chạy dọc theo tỉnh, là trung điểm và là điểm kết nối trong hành trình **“con đường Di sản miền Trung”**. Trong những năm gần đây, Thừa Thiên Huế đón nhận các giải thưởng, danh hiệu từ một số tổ chức, tạp chí, kênh thông tin du lịch quốc tế trong đó có giải thưởng Thành phố Xanh quốc gia, Thành phố Du lịch sạch ASEAN, đã góp phần tạo được nét đặc trưng nổi bật của Huế so với các điểm đến khác trong nước và khu vực để thu hút du khách.

Tiếp theo tỉnh Điện Biên, Thừa Thiên Huế vinh dự được Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn là địa phương đăng cai tổ chức Năm Du lịch quốc gia 2025. Đây là sự kiện văn hóa - kinh tế - xã hội tiêu biểu, có quy mô mang tính chất quốc gia và quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá về nét đẹp văn hóa truyền thống, tài nguyên sản phẩm du lịch đặc sắc, độc đáo và con người Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, tạo động lực lớn, thúc đẩy ngành du lịch địa phương phát triển.

Năm 2025 là năm có ý nghĩa quan trọng gắn với sự kiện kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng tỉnh Thừa Thiên Huế (26/3/1975 - 26/3/2025), 95 năm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế (tháng 4/1930 - tháng 4/2025) và đặc biệt là sự kiện tỉnh Thừa Thiên Huế chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy, việc đăng cai tổ chức Năm Du lịch Quốc gia 2025 sẽ là điểm nhấn quan trọng cho dấu mốc lịch sử này.

Chương trình Năm Du lịch quốc gia - Huế 2025 với chủ đề **“Huế - Kinh đô xưa, Vận hội mới”** với nhiều hoạt động, sự kiện tập trung 4 nhóm chương trình chính: (1) Lễ hội mùa Xuân “Xuân Cố đô; (2) Lễ hội mùa Hạ “Kinh thành tỏa sáng”; (3) Lễ hội mùa Thu “Huế vào Thu”; (4) Lễ hội mùa Đông “Mùa đông xứ Huế”. Chương trình khai mạc Năm Du lịch quốc gia – Huế 2025 diễn ra vào ngày 25/3/2025 và chương trình bế mạc Năm Du lịch vào cuối tháng 12/2025. Xuyên suốt Chương trình Năm Du lịch quốc gia - Huế 2025, sẽ có gần **160 sự**

kiện cấp Quốc gia, cấp tỉnh, với sự tham gia hưởng ứng tổ chức của **nhều** tỉnh, thành phố. Trong đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan Trung ương tổ chức khoảng **6 hoạt động** cấp Quốc gia. Các tỉnh, thành phố tổ chức **105** chương trình, sự kiện, lễ hội để hưởng ứng Chương trình Năm Du lịch quốc gia - Huế 2025. Tỉnh Thừa Thiên Huế chủ trì tổ chức khoảng **46 chương trình, sự kiện**, lễ hội hoạt động đặc sắc hấp dẫn với quy mô liên tỉnh, quốc gia, quốc tế. Đặc biệt sẽ có những sự kiện, hoạt động năm du lịch quốc gia – Huế 2025 mang tính điểm nhấn, lan tỏa và hiệu ứng diễn ra và kết nối, hỗ trợ phát triển du lịch trong nước cũng như xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch Việt Nam nói chung, du lịch Huế nói riêng ở nước ngoài nhằm thu hút hơn nữa du khách đến với chúng ta.

Song song với công tác chuẩn bị các thủ tục về xây dựng đề án, triển khai Kế hoạch, chúng tôi đang khẩn trương tiến hành tổ chức họp báo công bố Chương trình năm du lịch quốc gia Huế 2025. Ngoài ra, khâu tổ chức truyền thông, quảng bá đến các tổ chức, doanh nghiệp cũng như khách du lịch cũng được đẩy mạnh thông qua nhiều kênh, nhiều phương tiện và nhiều lĩnh vực để đảm bảo các đơn vị sớm tiếp nhận thông tin, hưởng ứng.

Trong bối cảnh tỉnh Thừa Thiên Huế đang khẩn trương xây dựng và vận hành phát triển theo yêu cầu đặt ra của một thành phố trực thuộc Trung ương với tinh thần mới, vận tốc mới, việc tổ chức Năm Du lịch quốc gia - Huế 2025 đặc biệt có ý nghĩa trong quá trình xây dựng thành phố Huế - thành phố trực thuộc Trung ương - phát triển bền vững dựa trên nguyên tắc vừa bảo tồn, phát huy giá trị di sản, vừa tạo động lực, đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Chúng tôi hy vọng rằng với sự chuẩn bị chu đáo, tích cực của tỉnh Thừa Thiên Huế, cùng với sự chỉ đạo, hỗ trợ, tạo điều kiện của Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các bộ, ban ngành, ngành, cơ quan Trung ương, các địa phương, các cơ quan thông tấn báo chí, sự hưởng ứng tham gia tích cực của các tỉnh, thành phố trong cả nước và sự kế thừa những kinh nghiệm quý báu trong tổ chức Năm Du lịch quốc gia 2024 của tỉnh Điện Biên, tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tổ chức thành công sự kiện Năm Du lịch Quốc gia - Huế 2025 tại vùng đất Cố đô.

Với lợi thế Thừa Thiên Huế có tiềm năng lớn để phát triển du lịch, chúng tôi tin tưởng rằng việc đăng cai tổ chức Năm Du lịch quốc gia - Huế 2025 sẽ là cơ hội rất tốt cho tỉnh Thừa Thiên Huế tạo được sự bứt phá trong khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch; là vận hội mới về phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhân dịp này, thay mặt tỉnh Thừa Thiên Huế, xin trân trọng kính mời và nhiệt liệt chào đón quý vị đại biểu, người dân trên cả nước và bạn bè quốc tế đến với Huế để hòa mình vào chuỗi các hoạt động, sự kiện của Năm Du lịch quốc gia - Huế 2025 và có thật nhiều trải nghiệm thú vị, độc đáo về vùng đất và con người Thừa Thiên Huế thân thiện, mến khách./.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên

Sở VH TTDL tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng trên nhiều lĩnh vực, như kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh. Toàn tỉnh có 49 dân tộc anh em trên khắp cả nước cùng về sinh sống, trong đó các DTTS tại chỗ (Êđê, M'ông, Gia Rai) và các DTTS từ các tỉnh khác di cư đến (Mường, Mông, Dao, Thái, Nùng...) phân bố rải rác tại 184 xã, phường, thị trấn và 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố (trong đó có 556 buôn) thuộc 15 huyện, thị xã, thành phố. Đắk Lắk do những nét đặc thù của môi trường tự nhiên, lịch sử ra đời và tồn tại, của các điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội, của các quan hệ cụ thể trong tiếp xúc, giao lưu văn hóa mà cộng đồng cư dân ở đây, ngoài những nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc thuộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, còn có sự hiện diện văn hóa của các dân tộc thiểu số phía Bắc và dân tộc Kinh mang đủ sắc thái ba miền Bắc - Trung - Nam. Cả ba dòng văn hóa ấy giao thoa, đan xen, bồi đắp cho nhau, ngày càng phát triển tạo thành nền văn hóa Đắk Lắk thống nhất trong đa dạng, đã tạo ra những nét đặc thù của văn hóa Đắk Lắk, của con người Đắk Lắk góp vun đắp, làm phong phú sống động cho bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam thống nhất.

1. Những kết quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Kể từ khi Không gian Văn hóa công chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào ngày 25/11/2005 đến nay, các tỉnh ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng đã có nhiều chủ trương, giải pháp và tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa công chiêng. Được sự hỗ trợ của Nhà nước, sự vào cuộc của các cấp, các ngành và người dân địa phương, văn hóa công chiêng ở Đắk Lắk đã và đang được bảo tồn hiệu quả. Cụ thể, HĐND tỉnh đã ban hành 5 Nghị quyết về Bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk (Nghị quyết số 10 và Nghị quyết số 63, giai đoạn 2007-2015; Nghị quyết số 05, giai đoạn 2016-2020). Hiện nay đang thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 HĐND tỉnh về Bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022-2025 với nhiều nội dung, giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm thực hiện cam kết trong hồ sơ đệ trình UNESCO... Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, tính đến nay, tỉnh có 04 Di sản phi vật thể đã được Bộ VH TTDL đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia gồm: Khan (sử thi) của người Êđê; Tập quán xã hội và tín ngưỡng Lễ mừng thọ của người M'ông; Ngữ văn dân gian Lời nói vắn của người Êđê và di sản Mo Mường; đã cấp hơn 200 bộ chiêng, 986 bộ trang phục truyền thống cho các buôn đồng bào; tổ chức được 130 lớp truyền dạy đánh chiêng; phục dựng được trên 140 nghi lễ, lễ hội truyền thống gắn với công chiêng; tổ chức biểu diễn định kỳ một tháng hai chương trình văn hóa công

chiêng phục vụ Nhân dân và du khách tại Trung tâm Văn hóa tỉnh, tổ chức nhiều hoạt động liên quan đến bảo tồn văn hóa công chiêng. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là về di sản ngày càng chặt chẽ, bài bản và chuyên nghiệp hơn. Nhiều nghi lễ, lễ hội truyền thống được phục dựng; các cuộc giao lưu văn hóa, liên hoan văn hóa công chiêng, dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc được tổ chức định kỳ.

Năm 2022 và 2023, được sự hỗ trợ của Trung tâm Hợp tác quốc tế Jeollabuk-do (Hàn Quốc) cho công tác Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa công chiêng của tỉnh Đắk Lắk với 04 nội dung: tổ chức các lớp truyền dạy đánh công chiêng, cấp chiêng và trang phục truyền thống, phục dựng nghi lễ kết nghĩa anh em của người M'ông, sưu tầm các bài chiêng truyền thống của người Êđê và M'Nông.

Theo kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2019, toàn tỉnh hiện có khoảng 11.524 nghệ nhân đang nắm giữ các loại hình văn hóa dân gian, trong đó: 5.116 nghệ nhân biết đánh chiêng; 812 nghệ nhân biết truyền dạy đánh chiêng; 311 nghệ nhân biết chỉnh chiêng; 1.366 nghệ nhân biết chơi nhạc cụ truyền thống; 385 nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc; 312 nghệ nhân biết tạc tượng; 610 nghệ nhân biết làm thầy cúng; 971 nghệ nhân xử luật tục; 1.362 nghệ nhân biết lời nói vắn, dân ca, tục ngữ; 223 nghệ nhân biết kể sử thi; 367 nghệ nhân biết kể truyện cổ....

Năm 2024, Sở tiếp tục triển khai kiểm kê để lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh, qua kết quả kiểm kê với số liệu liên quan đến văn hóa như sau: 1515 bộ chiêng các loại; 481 đội chiêng, đội múa hát; 3.749 nghệ nhân biết tấu chiêng; 993 nghệ nhân trẻ biết đánh chiêng; 948 nghệ nhân biết truyền dạy đánh chiêng; 448 nghệ nhân biết chỉnh chiêng; 1.251 nghệ nhân biết chơi nhạc cụ dân tộc; 353 nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc; 214; nghệ nhân biết tạc tượng; 413 nghệ nhân biết cúng lễ; 1.237 nghệ nhân biết luật tục; 986 nghệ nhân biết lời nói vắn, dân ca, tục ngữ; 499 nghệ nhân biết sử thi, truyện cổ; 5.422 ché rượu cô; 767 ghè dài Kpan, Jhung; 776 trống Hgor; 4.035 nhà dài truyền thống; 376 Nghi lễ, lễ cúng và lễ hội dân gian; 410 Nghề thủ công truyền thống. Hiện nay Sở đã và đang phối hợp với các địa phương để thẩm định lại số liệu kiểm kê cho chính xác và sẽ hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê trong tháng 12/2024, qua đó đánh giá thực trạng, đưa ra những giải pháp trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 45 Nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân ưu tú”; chưa có Nghệ nhân nhân dân. Trong đó có 7 Nghệ nhân ưu tú đã mất, còn 38 Nghệ nhân ưu tú đang sinh sống tại các buôn làng trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2020-2022, Việc thực hiện chế độ chính sách đối với các nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn đã được tỉnh Đắk Lắk quan tâm, thực hiện tốt, đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân,

nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, hiện nay qua tìm hiểu thực tế từ những nghệ nhân được công nhận danh hiệu trên đều có hoàn cảnh khó khăn do tuổi cao, sức yếu và bệnh tật quanh năm, phải sống phụ thuộc vào con cháu, nhưng họ không được thụ hưởng sự hỗ trợ trên. Bên cạnh đó, đối với các nghệ nhân ưu tú được tỉnh Đắk Lắk đều đến thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà vào nhân nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Di sản (23/11), lấy nguồn kinh phí từ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND, ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022 – 2025.

Hiện nay (từ năm 2023), Sở đang tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/2023/NQQPPL-HĐND ngày 14/06/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ với nghệ nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Mức hỗ trợ hàng tháng: Đối với Nghệ nhân nhân dân: 2.000.000 đồng/người/tháng. Đối với Nghệ nhân ưu tú: 1.500.000 đồng/người/tháng. Đối với nghệ nhân đang sinh hoạt hàng ngày tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam: 1.000.000 đồng/người/tháng. Ngoài mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, còn được hưởng các khoản hỗ trợ khác theo quy định pháp luật, các nghệ nhân được hưởng mức hỗ trợ phù hợp, tạo điều kiện các nghệ nhân cống hiến cho cộng đồng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Hàng năm, các huyện, thị xã, thành phố tổ chức giao lưu, liên hoan văn hóa công chiêng, dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc, liên hoan nghệ thuật quần chúng... Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng từng bước được nâng lên. Việc mở rộng giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong tỉnh với các địa phương khác trong nước được tăng cường. Đặc biệt, các hoạt động liên quan đến không gian văn hóa công chiêng đã góp phần tích cực trong việc bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc, giáo dục cho thế hệ trẻ, đặc biệt là con em đồng bào các DTTS tiếp nối, nắm giữ các giá trị di sản văn hóa dân tộc, đã góp phần Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số trên toàn tỉnh.

Ngoài các hoạt động trên, các đoàn nghệ nhân của tỉnh Đắk Lắk còn tham gia nhiều chương trình giao lưu văn hóa khác do các tỉnh, các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, như: Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức chương trình Làng Việt tại Đắk Lắk; tham gia giao lưu văn nghệ dân gian giữa các dân tộc tại các tỉnh toàn quốc; đều đặn hàng năm, tham gia Tuần “Đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam” tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam tại Hà Nội; tham gia Tuần Văn hóa Du lịch của 5 tỉnh Tây Nguyên; tham gia các hoạt động nhân sự kiện lớn của quốc gia và quốc tế tại Việt Nam.

2. Những khó khăn, hạn chế trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Bên cạnh những kết quả đạt được, những vấn đề đặt ra trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch ở tỉnh ta hiện nay đang còn nhiều khó khăn, thách thức đó là:

- Từ thực tế hiện nay, tại địa phương, các buôn làng, các nghệ nhân, những người am hiểu về văn hóa truyền thống không còn nhiều và ít có điều kiện để truyền dạy lại cho con cháu về các loại hình văn hóa dân gian; một mặt vì thế hệ trẻ đã tiếp xúc nhiều với lối sống hiện đại, các tiện nghi, sản phẩm công nghệ bằng điện tử, sự đô thị hoá nên lớp trẻ hiện nay ngại tiếp xúc hoặc không quan tâm nhiều đến giá trị văn hóa truyền thống.

- Do ảnh hưởng từ nhiều mặt của đời sống xã hội như: Sự phát triển kinh tế, văn hóa, lối sống hiện đại phương Tây, nên văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số Đắk Lắk đang đứng trước những thách thức lớn, chính từ đó các giá trị di sản văn hóa cũng bị lãng quên, đó là nhà dài truyền thống đang bị thu hẹp dần; nhiều lễ hội truyền thống không được tổ chức như trước, một phần do thay đổi phương thức sản xuất từ canh nương rẫy sang trồng cây công nghiệp đã tác động đến môi trường diễn tấu cồng chiêng, lễ hội, những ngôi nhà sàn, nhà dài mất dần; không gian, thời gian của cồng chiêng dần bị thu hẹp. Điều này đã thể hiện rõ không gian văn hóa cồng chiêng tỉnh ta đang đứng trước nguy cơ mai một, cần được bảo vệ khẩn cấp.

- Lớp trẻ lớn lên dù thấy nhưng chưa hiểu đầy đủ giá trị văn hóa truyền thống, không gian cồng chiêng nên ít yêu thích, ít quan tâm, khả năng kế nghiệp, trao truyền rất ít và mang tính bắt buộc; nhiều nghệ nhân chuyên về diễn xướng các loại hình nghệ thuật dân gian ngày càng ít do tuổi cao lần lượt qua đời.

- Một bộ phận dân cư, nghe theo sự vận động từ bên ngoài từ bỏ tín ngưỡng, phong tục truyền thống, tiếp nhận lối sống sinh hoạt mới nên không gìn giữ không gian sinh hoạt truyền thống và không thực hiện sinh hoạt cồng chiêng.

- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích: Chưa phát huy hết giá trị tiềm năng vốn có của di tích. Các hạng mục của di tích đã và đang xuống cấp; một số công trình đã được trùng tu, tôn tạo nhưng chưa phát huy hết tác dụng và công năng của di tích. Hiện tại, ở thành phố Buôn Ma Thuột chưa có điểm, khu du lịch nổi bật trong việc tổ chức cho khách tham quan, trải nghiệm nét văn hóa truyền thống của Tây Nguyên. Hiện nay, Biệt điện Bảo Đại vẫn chưa thật sự thu hút được nhiều khách tham quan cũng như “giữ chân” khách ở lâu hơn tại Biệt điện. Việc khai thác dịch vụ phục vụ khách du lịch còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các hoạt động trải nghiệm mang bản sắc văn hóa các dân tộc còn nhỏ lẻ, chưa chuyên nghiệp.

3. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Để tiếp tục công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, giá trị di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch và phát triển kinh tế trong toàn tỉnh Đắk Lắk đạt hiệu quả cao hơn, trong những năm tiếp theo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có một số đề xuất phương hướng và giải pháp sau đây để cùng trao đổi, thảo luận:

Phương hướng thực hiện:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và đồng bào các dân tộc tại chỗ nhận thức một cách sâu sắc về trách nhiệm công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch; phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương và địa phương tuyên truyền về di sản văn hóa công chiêng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững, cần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động du lịch trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch của tỉnh Đắk Lắk.

- Tiếp tục cấp phát công chiêng cho các Đội chiêng có thành tích ở các buôn, nhằm khích lệ, động viên tinh thần các nghệ nhân đánh chiêng cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trong sinh hoạt cộng đồng. Tổ chức phục dựng một số lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc tại chỗ gắn với diễn tấu công chiêng trong đời sống sinh hoạt cộng đồng.

- Tiếp tục mở các lớp truyền dạy đánh công chiêng, kỹ năng thẩm âm, chỉnh chiêng; truyền dạy sử thi và nghệ thuật hát kể sử thi; truyền dạy dân ca, dân vũ cho con em đồng bào các dân tộc tại chỗ trong toàn tỉnh nhằm trao truyền cho thế hệ kế cận và mai sau. Cấp trang phục cho các Đội chiêng, Đội văn nghệ ở các buôn có nhiều thành tích trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy di sản văn hóa công chiêng để các Đội chiêng, Đội văn nghệ chủ động hơn trong việc tập luyện, giao lưu, biểu diễn tại cộng đồng, ở trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức sưu tầm, ghi chép, thống kê, lưu giữ các bài chiêng cổ trong các nghi lễ, lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc. Thống kê số lượng nghệ nhân dân gian có khả năng truyền dạy đánh công chiêng, chỉnh chiêng và nhớ được các bài chiêng hiện có. Thực hiện chế độ chính sách đối với nghệ nhân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Kế hoạch kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Tổ chức giao lưu văn hóa công chiêng giữa các buôn và các Cụm trong tỉnh, để các nghệ nhân có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng tại cộng đồng, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc.

Các giải pháp thực hiện:

- Đề nghị các cơ quan báo đài của Trung ương tiếp tục phối hợp với địa phương đẩy mạnh công tác truyền thông và quảng bá về các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, các di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch ở trong nước, khu vực và quốc tế; tuyên truyền về công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa

truyền thống, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch đến với các tầng lớp nhân dân, nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với di sản văn hóa truyền thống, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch; ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nội dung trên ở các địa phương toàn tỉnh.

- Tiếp tục vận động tài trợ kinh phí từ nguồn xã hội hóa, việc tổ chức các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa công chiêng cần phải lồng ghép với nhiều hoạt động khác.

- Thường xuyên tổ chức và tham gia các hoạt động hội thi, hội diễn, liên hoan công chiêng trong tỉnh, khu vực, cả nước, quốc tế để góp phần bảo tồn.... tổ chức mở các lớp truyền dạy đánh công chiêng cho nghệ nhân trẻ tuổi để kế thừa các nghệ nhân đã lớn tuổi, tránh thất truyền, mai một.

- Tiếp tục duy trì Chương trình biểu diễn văn hóa công chiêng tại Trung tâm Văn hóa tỉnh theo định kỳ và một số địa điểm ở thành phố Buôn Ma Thuột và địa phương khác nhân các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện trọng đại của cả nước, của tỉnh nhằm phục vụ Nhân dân và khách du lịch, tham quan./.

Xây dựng môi trường văn hóa cho công nhân trong các khu công nghiệp

Sở VH TTDL tỉnh Đồng Nai

Xây dựng môi trường văn hóa cho công nhân trong các khu công nghiệp tại tỉnh Đồng Nai là một công việc quan trọng, không chỉ giúp cải thiện chất lượng sống của người lao động mà còn thúc đẩy năng suất lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất góp phần xây dựng danh hiệu doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá.

Đồng Nai là đơn vị hành chính loại 1, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có diện tích tự nhiên 5.903,94 km², có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 09 huyện và 02 thành phố) với 159 xã, phường, thị trấn. Là tỉnh có vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam; là cửa ngõ phía Đông thành phố Hồ Chí Minh, nối Nam Trung bộ, Nam Tây nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch; với dân số trên 3,2 triệu người, 50 thành phần dân tộc anh em cùng sinh sống với 10 tôn giáo. Đồng Nai có nhiều lợi thế về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm duy trì ở mức cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ; an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, thu ngân sách hàng năm ở mức cao; các chính sách, an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân ngày được quan tâm hơn.

Với hơn 325 năm hình thành và phát triển, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai hội đủ “thiên thời - địa lợi - nhân hòa”, giàu giá trị tiềm năng với nhiều di sản và lợi thế; giàu bản sắc của vùng đất vốn được hình thành từ sự hội nhập, chan hòa, kết tinh, chuyển hóa từ nhiều nhân tố, nhiều dòng mạch trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa và vận động phát triển; bản sắc ấy cũng chính là nguồn lực của phát triển văn hóa ở khả năng giao lưu, kết tinh văn hóa từ nhiều dòng, nhiều lớp, gìn giữ được yếu tố cốt lõi của cội nguồn, tiếp thu văn hóa của nhân loại, năng động linh hoạt trong phát triển, áp dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật, nhất là trong thời đại kỹ thuật số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về “*xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững*”, xác định mục tiêu “*Triển khai phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các cuộc vận động có liên quan lĩnh vực văn hóa ngày càng sâu rộng và thực chất hơn; hoàn thiện đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống thiết chế văn hóa thể thao, xây dựng các chương trình, dự án mới nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động, hưởng thụ, sáng tạo và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, nhất là thanh thiếu niên và công nhân lao động*”. Do đó, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh luôn nhận thức rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường văn hóa nói chung, cho công nhân lao động trong các khu

công nghiệp nói riêng; xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tính đến ngày 30/11/2024, toàn tỉnh có trên 1.600 doanh nghiệp với gần 600.000 công nhân lao động, trong đó, công nhân các khu, cụm công nghiệp khoảng 139.000 người.

Hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh đều chủ trì, phối hợp duy trì tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho công nhân: ngày hội công nhân; tháng công nhân; các hội thi, hội diễn văn hóa văn nghệ, các hoạt động thể dục thể thao,... phục vụ công nhân trên địa bàn tỉnh. Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch Đồng Nai đã tăng cường phối hợp với các cơ quan, ban, ngành tại địa phương trong công tác xây dựng môi trường văn hóa, lồng ghép nội dung vào công tác thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cụ thể: phối hợp với Liên đoàn Lao động tổ chức Liên hoan các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiêu biểu thông qua các phần thi: Giới thiệu về doanh nghiệp; văn nghệ; thể thao tạo sân chơi bổ ích cho công nhân, góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho công nhân sau những giờ lao động; tổ chức Tháng công nhân với đa dạng các hoạt động: phát động cuộc thi, các hoạt động nâng cao tinh thần tương thân tương ái trong công nhân; tổ chức phiên chợ nghĩa tình nhân dịp tết nguyên đán, tổ chức hỗ trợ vé tàu, xe, quà cho công nhân lao động...; xây dựng kế hoạch triển khai việc nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh, gắn với thực hiện các phong trào phát triển đời sống văn hóa nông thôn, xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đô thị văn minh và tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ Nhân dân trên địa bàn huyện, tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Hiện nay hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao gồm: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh; Thư viện tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai; Nhà thiếu nhi tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Hội nghị và tổ chức sự kiện tỉnh; Nhà sinh hoạt văn hóa, thể thao và tổ chức Công đoàn Khu công nghiệp (tại Khu công nghiệp Biên Hòa); 11/11 huyện, thành phố có Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao; có 135/159 xã, phường, thị trấn có Trung tâm VH-TT-HTCD hoạt động ổn định; có 856/927 ấp, khu phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao. Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; Ngoài ra một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư xây dựng và quản lý các thiết chế: Khu sinh hoạt văn hóa, thể thao (Công ty Pousung); Phòng sinh hoạt chung (Công ty Taekwang); Khu giải trí cho công nhân (Công ty Poucheng), Khu sinh hoạt gia đình công nhân (Công ty Changshin), Sân bóng đá (Công ty Mabuchi). Thực hiện Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 và Quyết định số 1729/QĐ-TTg, ngày 04/11/2020, của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ban ngành phối hợp với LĐLĐ tỉnh tham mưu đề xuất Tỉnh ủy việc triển khai dự án, UBND tỉnh đã có văn bản giới thiệu địa điểm đề Tổng

Liên đoàn Lao động tiến hành các thủ tục khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Thiết chế Công đoàn ở khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom.

Hàng năm Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao tỉnh đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn các Trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện, thành phố triển khai các hoạt động phong trào Văn hóa, TDTT ở cơ sở, phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu Văn hóa, Thể dục thể thao của Nhân dân trong đó có công nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Để xây dựng môi trường văn hoá cho công nhân trong các khu công nghiệp cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, Tạo dựng không gian sinh hoạt văn hóa, xây dựng các trung tâm văn hóa, thể thao. Xây dựng các khu vực công cộng như: thư viện, phòng đọc, sân chơi, khu vườn nhỏ cho công nhân có thể thư giãn, giải trí trong giờ nghỉ trưa hoặc sau ca làm việc. Xây dựng các trung tâm văn hóa, thể thao trong khu công nghiệp để công nhân có thể tham gia các hoạt động giải trí, thể thao nâng cao sức khỏe, tái tạo sức lao động, giao lưu học hỏi. Những không gian này có thể tổ chức các lớp học kỹ năng mềm, các buổi giao lưu văn hóa, thể thao, hoặc các hoạt động âm nhạc, hội họa... và cũng là nơi tuyên truyền các chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đến công nhân lao động.

Hai là, Xây dựng các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với nhu cầu của công nhân: Đào tạo nghề nghiệp, giáo dục nâng cao văn hóa cộng đồng, mở các khóa học nâng cao tay nghề, kỹ năng mềm như quản lý tài chính, quản lý thời gian, cũng như chương trình đào tạo về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe, chăm sóc con cái, gia đình, sẽ giúp công nhân có thêm kỹ năng phát triển bản thân, nghề nghiệp. Tổ chức các buổi chia sẻ về kỹ năng giao tiếp, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa công nhân, chủ doanh nghiệp và cộng đồng dân cư xung quanh.

Ba là, Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, giải trí: Các giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông..., giúp công nhân rèn luyện sức khỏe xây dựng tinh thần đồng đội và sự đoàn kết. Tổ chức các chương trình ca nhạc, văn nghệ, các buổi chiếu phim hoặc các buổi giao lưu văn hóa truyền thống sẽ tạo ra cơ hội cho công nhân thể hiện tài năng, đồng thời duy trì và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Bốn là, Chăm sóc sức khỏe và đời sống công nhân: Tổ chức các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản như khám sức khỏe định kỳ, tư vấn tâm lý cho công nhân; các chương trình chăm lo đời sống tinh thần của công nhân, như: các buổi tư vấn về hôn nhân, gia đình, tài chính hoặc tư vấn cho công nhân về các vấn đề xã hội mà họ có thể gặp phải như việc vay tín dụng xã hội đen, lừa đảo...

Năm là, Thúc đẩy hợp tác với chính quyền và tổ chức xã hội. Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương để tạo ra một môi trường sống và làm việc tích cực, an toàn cho công nhân. Thực hiện tốt công tác từ thiện và cộng đồng, khuyến khích

công nhân tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện, giúp đỡ cộng đồng, như tham gia các chiến dịch vệ sinh môi trường, xây dựng nhà tình thương hoặc các hoạt động giúp đỡ trẻ em khó khăn.

Sáu là, Tăng cường giao tiếp và đối thoại, tổ chức các cuộc đối thoại định kỳ giữa công nhân với lãnh đạo doanh nghiệp với lãnh đạo tỉnh để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, nhu cầu của công nhân, từ đó cải thiện môi trường làm việc và chế độ đãi ngộ. Tạo cơ hội cho công nhân đóng góp ý tưởng cải tiến quy trình sản xuất, chất lượng công việc và môi trường làm việc.

Bảy là, Chú trọng công tác khen thưởng và ghi nhận đóng góp của công nhân. Các công ty nên tổ chức khen thưởng công khai đối với những công nhân có thành tích xuất sắc trong công việc hoặc tham gia các hoạt động cộng đồng, thể thao, văn nghệ để tạo động lực và khích lệ tinh thần làm việc. Cần xây dựng một chế độ đãi ngộ hợp lý và bảo đảm công bằng từ đó công nhân cảm thấy thoải mái và gắn bó lâu dài với công ty. Coi công ty là ngôi nhà thứ hai mà họ cần phải vun đắp chăm sóc hàng ngày.

Việc xây dựng môi trường văn hóa cho công nhân không chỉ nhằm nâng cao đời sống tinh thần mà còn giúp phát triển một cộng đồng lao động đoàn kết, sáng tạo và hiệu quả. Các doanh nghiệp ở tỉnh Đồng Nai cần xây dựng các mô hình này để cải thiện chất lượng sống cho công nhân và xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh, tích cực.

Các giải pháp trên nhằm tạo ra một môi trường làm việc và sinh hoạt tích cực cho công nhân, giúp họ không chỉ phát triển về mặt nghề nghiệp mà còn về mặt tinh thần và sức khỏe. Việc xây dựng một môi trường văn hóa mạnh mẽ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công việc, tạo sự gắn kết giữa công nhân và doanh nghiệp, từ đó đóng góp vào sự phát triển bền vững của khu công nghiệp tại tỉnh Đồng Nai. Xây dựng môi trường văn hóa cho công nhân trong các khu công nghiệp tại tỉnh Đồng Nai là một công việc quan trọng, không chỉ giúp cải thiện chất lượng sống của người lao động mà còn thúc đẩy năng suất lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất./.

Phát triển du lịch sinh thái – Nhiệm vụ và giải pháp

Sở VH-TTDL TP. Cần Thơ

Trong giai đoạn hiện nay, ngành Du lịch cả nước đang tập trung phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị đề ra. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định mục tiêu và nhiệm vụ: *“Phấn đấu đưa thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm du lịch và điều phối khách cho toàn vùng ĐBSCL, là một trong những trung tâm phát triển du lịch của cả nước”*.

Đối với thành phố Cần Thơ, Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 01/8/2016, về đẩy mạnh phát triển du lịch. Theo đó, phấn đấu đến năm 2020, đưa du lịch Cần Thơ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phấn đấu đưa Cần Thơ trở thành Trung tâm du lịch và điều phối khách cho toàn vùng ĐBSCL và là một trong những trung tâm phát triển du lịch của cả nước. Hiện nay, tổng thu từ dịch vụ du lịch chiếm khoảng 8% trong cơ cấu GRDP của thành phố. Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Thành ủy Cần Thơ “Về đẩy mạnh phát triển du lịch trong tình hình mới” đề ra nhiệm vụ: *“... phải khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, tài nguyên du lịch của thành phố, nhất là vai trò trung tâm vùng, vị trí cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mekong gắn với phát huy thế mạnh đường bộ, đường thủy và đường hàng không”*.

Để thu hút đầu tư phát triển du lịch, Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định chính sách hỗ trợ đầu tư các dự án ngoài ngân sách Nhà nước và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó, có hỗ trợ lãi suất đối với các dự án thuộc lĩnh vực du lịch cộng đồng. Nghị quyết ban hành nhằm cụ thể hóa Nghị định số 103/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Cần Thơ và Nghị quyết số 03-NQ/TU của Thành ủy, vừa thể hiện sự chủ động của thành phố trong việc tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở pháp lý trong việc hỗ trợ đầu tư của thành phố nói chung và đối với lĩnh vực du lịch nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng, đưa việc phát triển ngành du lịch của thành phố ngày càng phát triển.

Cần Thơ còn được biết đến là “Đô thị miền sông nước” với hệ thống giao thông đường thủy và đường bộ thuận lợi kết nối thành phố Hồ Chí Minh đến Cần Thơ nói riêng và các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL nói chung. Đặc biệt Cảng Hàng không quốc tế Cần Thơ đã đáp ứng nhu cầu đi lại và du lịch của du khách. Cần Thơ là một trong những địa phương có tiềm năng và điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, du lịch Hội nghị hội thảo (MICE) du lịch văn hóa Cần Thơ hiện nay có 38 di tích văn hóa – lịch sử được xếp hạng, trong đó có 14 di tích cấp quốc gia, 04 loại hình di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia gồm: văn hóa Chợ nổi Cái Răng, Lễ hội Kỳ yên Đình Bình Thủy, Hồ Cần Thơ, Hát ru của người Việt ở Cần Thơ, và nhiều công trình văn hóa như Đền Thờ

Vua Hùng tại thành phố Cần Thơ, Thuyền viện Trúc Lâm Phương Nam và nhiều danh lam thắng cảnh, sản phẩm dịch vụ du lịch để phục vụ du khách.

Hệ thống cơ sở vật chất du lịch của thành phố khá phát triển, nơi tập trung đa dạng loại hình thương mại dịch vụ và vui chơi giải trí; với trên 640 cơ sở lưu trú du lịch, hơn 11.000 phòng; nhiều khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, điểm vườn du lịch kết hợp các hoạt động du lịch nông nghiệp, góp phần đa dạng điểm tham quan và vui chơi giải trí, thư giãn, nghỉ dưỡng cho đông đảo du khách đến thành phố Cần Thơ.

Thành phố Cần thơ phấn đấu đưa du lịch Cần Thơ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; đưa Cần Thơ trở thành Trung tâm du lịch và điều phối khách cho toàn vùng ĐBSCL và là một trong những trung tâm phát triển du lịch của cả nước. Theo đó, Cần Thơ tập trung phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như: Du lịch sinh thái sông nước đô thị; Du lịch hội nghị, hội thảo (MICE); Du lịch văn hóa-tham quan các di tích lịch sử - văn hóa; du lịch cộng đồng...

Trong những năm qua, hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng; lượt khách và doanh thu du lịch tăng dần qua từng năm. Hệ thống hạ tầng du lịch được đầu tư phát triển theo hướng mở rộng, đa dạng sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm; công tác quản lý Nhà nước về du lịch được quan tâm; chất lượng, hiệu quả hoạt động của các điểm du lịch, các tour, tuyến du lịch ngày càng thu hút nhiều lượt khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh Cần Thơ đến với bạn bè trong và ngoài nước; từng bước tạo dựng thương hiệu du lịch Cần Thơ thực sự là “Điểm đến du lịch lý tưởng - an toàn - thân thiện - chất lượng”, nơi hội tụ của “Văn minh sông nước Mekong”. Lượng khách du lịch và doanh thu du lịch đều tăng, tổng lượt khách đến năm 2024 là 6,3 triệu lượt. Doanh thu du lịch đạt 6.226 tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được loại hình du lịch sinh thái sông nước chưa khai thác hết tiềm năng và vị trí sẵn có, nguyên nhân chủ yếu như: nhận thức xã hội về du lịch còn hạn chế; việc đầu tư mang tính tự phát, manh mún, thiếu tính độc đáo; sự liên kết, phối hợp kết nối du lịch sinh thái, sông nước chưa thường xuyên; chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái và dịch vụ có hàm lượng giá trị cao còn chiếm tỷ trọng nhỏ; nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, giỏi tay nghề còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhân hội nghị tổng kết hôm nay, Sở VHTTDL TP. Cần Thơ nhận thấy để phát triển du lịch sinh thái nhanh và bền vững, các địa phương doanh nghiệp cần tập trung một số nội dung sau:

Thứ nhất, Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến các ngành, các cấp và Nhân dân về tầm quan trọng của phát triển du lịch sinh thái trong tình hình hiện nay; Tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho doanh nghiệp, người dân cộng đồng bảo vệ môi trường Xanh – Sạch – Đẹp theo Quyết định số 718 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ứng xử văn minh du lịch; lồng

ghép chương trình bảo vệ tài nguyên – môi trường du lịch với các lớp tập huấn cho mọi đối tượng tham gia và hoạt động du lịch. Đầu tư cho du lịch để thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển; phát triển du lịch phải gắn liền với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc đồng thời đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thứ hai, Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư; thu hút các nhà đầu tư lớn nhằm sớm thực hiện các dự án sinh thái như: Khu Du lịch sông Hậu; Khu du lịch Cồn Sơn; khu du lịch sinh thái Phong Điền; Khu du lịch Cù Lao Tân Lộc... nhằm khai thác tài nguyên du lịch sông nước, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa bản địa, bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể quốc gia chợ nổi Cái Răng, chợ nổi Phong Điền để phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững.

Thứ ba, cần ưu tiên nguồn lực điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên du lịch, các điểm du lịch trên địa bàn thành phố, nhằm có phương án phát triển một cách tối ưu nhất, tránh trùng lặp sản phẩm du lịch; quy hoạch chi tiết cho từng cụm, khu, tuyến điểm du lịch phù hợp với tài nguyên du lịch của từng quận, huyện; ưu tiên đầu tư các loại hình du lịch đặc trưng của thành phố như: du lịch sông nước miệt vườn, tham quan chợ nổi, du lịch văn hóa, du lịch MICE...; tôn tạo các công trình kiến trúc, di tích văn hóa, lịch sử; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc, các làng nghề truyền thống; khai thác các loại hình văn hóa phi vật thể phục vụ du khách; khuyến khích, hỗ trợ người dân vay vốn ưu đãi và đào tạo kiến thức và kỹ năng làm du lịch cho người dân đầu tư phát triển du lịch, nhất là loại hình du lịch homestay.

Thứ tư, Tăng cường đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là đường, bến bãi điểm dừng chân, điểm trung chuyển đến các điểm du lịch trên địa bàn quận, huyện, đồng thời kêu gọi đầu tư các phương tiện vận chuyển khách du lịch hiện đại, thân thiện với môi trường; quan tâm bảo vệ môi trường du lịch “ xanh – sạch – đẹp”; đảm bảo an ninh an toàn tuyệt đối cho du khách.

Thứ năm, đẩy mạnh liên kết hợp tác giữa các địa phương, doanh nghiệp nhằm tạo sản phẩm du lịch đặc thù của từng địa phương; Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá du lịch với nhiều hình thức phong phú và đa dạng tại các thị trường trọng điểm trong và ngoài nước, từng bước xây dựng thương hiệu du lịch của thành phố Cần Thơ. Tăng cường thông tin về các sản phẩm du lịch sinh thái của Cần Thơ được quảng bá rộng rãi chắc chắn lượng khách đến với Cần Thơ còn tăng cao./.